

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA KINH TẾ

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN**

**THỰC TRẠNG LÀM THÊM CỦA SINH VIÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ**

Chủ nhiệm đề tài: NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC

Lớp : D16KTDN

Ngành : KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

NINH BÌNH, 2025

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA KINH TẾ

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN**

**THỰC TRẠNG LÀM THÊM CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG
ĐẠI HỌC HOA LƯ**

Chủ nhiệm đề tài: NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC

Các thành viên : TRẦN THANH XUÂN

Lớp : D16KTDN

Người hướng dẫn khoa học: TS. VŨ ĐỨC HẠNH

Xác nhận của GV hướng dẫn

Chủ nhiệm đề tài

NINH BÌNH, 2025

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG	iii
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	iv
MỞ ĐẦU	v
1. Tổng quan tình hình nghiên cứu	v
2. Tính cấp thiết của đề tài	ix
3. Mục tiêu nghiên cứu.....	x
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài	x
4.1. Đối tượng nghiên cứu.....	x
4.2. Phạm vi nghiên cứu.....	x
5. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu của đề tài.....	x
5.1. Cách tiếp cận	x
5.2. Phương pháp nghiên cứu.....	x
Chương 1 - CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ VIỆC LÀM VÀ LÀM THÊM CỦA SINH VIÊN	1
1.1 Tổng quan về việc làm và làm thêm của sinh viên.....	1
1.1.1. Khái niệm.....	1
1.1.2. Đặc điểm và vai trò việc làm thêm của sinh viên	3
1.1.3. Phân loại công việc làm thêm của sinh viên	5
1.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến làm thêm của sinh viên.....	7
1.2.1. Yếu tố chủ quan.....	7
1.2.2. Yếu tố khách quan.....	9
1.3. Một số kinh nghiệm làm thêm của sinh viên hiện nay	10
1.3.1. Một số kinh nghiệm làm thêm của sinh viên các nước trên thế giới	10
1.3.2. Kinh nghiệm làm thêm của sinh viên tại Việt Nam.....	14
Chương 2 - THỰC TRẠNG ĐI LÀM THÊM CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ	17
2.1. Đặc điểm chung của sinh viên trường Đại học Hoa Lư.....	17
2.2. Thực trạng làm thêm của sinh viên trường Đại học Hoa Lư	18
2.2.1. Đặc điểm của sinh viên tham gia khảo sát	18
2.2.1.1. Khái quát chung về Sinh viên tham gia khảo sát	18
2.2.2. Thực trạng đi làm thêm của sinh viên trường đại học Hoa Lư	22

2.3. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng của việc làm thêm của sinh viên trường đại học Hoa Lư.....	33
2.3.1. Ảnh hưởng của việc làm thêm đối với hoạt động học tập của sinh viên ..	33
2.3.2. Ảnh hưởng của việc làm thêm đối với hoạt động sinh hoạt của sinh viên	Error! Bookmark not defined.
2.3.3. Các nhân tố cân bằng giữa việc học và làm thêm.....	37
2.3.4. Những mong muốn của sinh viên làm thêm đối với nhà trường	39
Chương 3 - MỘT SỐ GIẢI PHÁP CÂN BẰNG GIỮA HỌC TẬP VÀ LÀM THÊM CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ'	41
3.1. Đánh giá thực trạng của việc làm thêm đối với sinh viên.....	41
3.1.1. Ưu điểm.....	41
3.1.2. Tồn tại và nguyên nhân	42
3.2. Giải pháp cân bằng giữa việc học tập và việc làm thêm của sinh viên trường Đại Học Hoa Lư	43
3.2.1. Giải pháp chung	43
3.2.2. Giải pháp cụ thể.....	44
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	47
1. Kết luận	47
2. Kiến nghị	48
2.1. Kiến nghị đối với Nhà trường	48
2.2. Kiến nghị đối với Sinh viên	49
2.3. Kiến nghị đối với Doanh nghiệp và Cơ quan liên quan.....	49
PHỤ LỤC	50
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	50

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1: Khái quát chung về sinh viên tham gia khảo sát.....	18
Bảng 2.2. Điều kiện kinh tế của sinh viên tham gia khảo sát.....	19
Bảng 2.3. Tỷ lệ sinh viên và thời điểm bắt đầu đi làm thêm.....	21
Bảng 2.4. Loại công việc và phương thức tìm việc của sinh viên làm thêm.....	23
Bảng 2.5. Thời gian và thu nhập của sinh viên làm thêm	26
Bảng 2.6. Lý do, mối liên hệ giữa ngành học với việc làm thêm.....	28
Bảng 2.7. Mức độ hài lòng của sinh viên khi tham gia làm thêm.....	30
Bảng 2.8. Ảnh hưởng đến học tập của sinh viên làm thêm.....	33
Bảng 2.9. Khó khăn gặp phải khi sinh viên làm thêm.....	35
Bảng 2.10 Biện pháp cân bằng của sinh viên làm thêm.....	36
Bảng 2.11 Nguyên vọng của sinh viên làm thêm đối với Nhà trường.....	38

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

CV	Bản lý lịch
GV	Giảng viên
HSSV	Học sinh, sinh viên
NSD	Người sử dụng
PR	Quan hệ công chúng
SP	Sư phạm
UBND	Ủy ban nhân dân

MỞ ĐẦU

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

* Đề tài

1) Ngô Văn Bình (2021), *“Thực trạng làm thêm và định hướng nghề nghiệp của sinh viên tại các trường đại học ở Hà Nội”*, đề tài cấp trường, trường Đại học Thủ đô Hà Nội. Cụ thể, đề tài này được thực hiện trong khuôn khổ hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên và giảng viên trẻ năm học 2020 - 2021 của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. Mục tiêu chính là khảo sát tình hình làm thêm của sinh viên thuộc các khoa khác nhau (Giáo dục, Kinh tế, Du lịch – Xã hội) và xem xét mối liên hệ giữa việc làm thêm với định hướng nghề nghiệp sau tốt nghiệp. Kết quả cho thấy việc làm thêm đóng vai trò như một kênh giúp sinh viên tiếp cận sớm với môi trường nghề nghiệp thực tế, từ đó hình thành nhận thức về năng lực bản thân và định hướng nghề nghiệp rõ ràng hơn. Tuy vậy, nghiên cứu cũng cảnh báo hiện tượng “lệch hướng” khi sinh viên chọn việc không liên quan đến chuyên ngành. Công trình có đóng góp trong việc gắn kết hành vi làm thêm với định hướng nghề nghiệp, song cần mở rộng khảo sát ở nhiều khối ngành để có kết luận toàn diện hơn [4].

2) Phạm Minh Đức (2019), *“Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định làm thêm của sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội”*, đề tài cấp khoa, trường Đại học Quốc gia Hà Nội. Tác giả đã sử dụng mô hình hồi quy logistic để xác định các yếu tố tác động đến hành vi làm thêm. Kết quả cho thấy thu nhập gia đình, ảnh hưởng bạn bè và nhu cầu trải nghiệm nghề nghiệp là những nhân tố chính. Đề tài có đóng góp quan trọng trong việc lượng hóa động cơ của sinh viên đối với việc làm thêm, đồng thời gợi ý hướng nghiên cứu sâu hơn về ảnh hưởng của các yếu tố tâm lý và xã hội. Tuy nhiên, nghiên cứu còn hạn chế về phạm vi khi chỉ tiến hành tại một trường, khiến kết quả chưa có tính khái quát cao [5].

3) Nguyễn Thị Hồng (2018), *“Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả làm thêm của sinh viên Trường Đại học Kinh tế Quốc dân”*, đề tài cấp trường, trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Tác giả đã khảo sát hơn 500 sinh viên nhằm đánh giá mức độ phổ biến, động cơ và khó khăn trong quá trình làm thêm. Kết

quả cho thấy trên 60% sinh viên có việc làm thêm, chủ yếu nhằm đáp ứng nhu cầu tài chính và rèn luyện kỹ năng sống. Tác giả cũng chỉ ra những ảnh hưởng tiêu cực như mệt mỏi, giảm tập trung trong học tập, và đưa ra một số giải pháp về quản lý thời gian, lựa chọn việc làm phù hợp. Nghiên cứu có ưu điểm là dữ liệu thực tế phong phú, phản ánh khá đầy đủ bức tranh làm thêm của sinh viên, tuy nhiên còn thiên về mô tả và chưa đi sâu phân tích mối quan hệ định lượng giữa làm thêm và kết quả học tập [7].

4) Trần Thị Lan và cộng sự (2020), *“Ảnh hưởng của việc làm thêm đến kết quả học tập của sinh viên khối ngành Kinh tế”*, đề tài cấp trường, trường Đại học Thương mại. Nghiên cứu đã chỉ ra rằng việc làm thêm có thể mang lại tác động tích cực nếu gắn với chuyên ngành học, nhưng ngược lại, khi số giờ làm thêm vượt quá 20 giờ mỗi tuần, kết quả học tập có xu hướng giảm sút đáng kể. Công trình này có điểm mạnh là đã xác định rõ ranh giới giữa lợi ích và rủi ro của việc làm thêm, đồng thời cung cấp bằng chứng thực nghiệm hữu ích cho các trường đại học trong việc định hướng sinh viên. Tuy nhiên, nhóm tác giả chưa phân tích sự khác biệt giữa sinh viên các năm học, trong khi đây là yếu tố có thể ảnh hưởng đáng kể đến khả năng cân bằng giữa học và làm [9].

5) Phan Thị Mai (2023), *“Phân tích tác động của việc làm thêm đến kỹ năng mềm của sinh viên Trường Đại học Huế”*, đề tài cấp khoa, trường Đại học Huế. Tác giả đã tập trung vào các khía cạnh tích cực của làm thêm. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng sinh viên có kinh nghiệm làm thêm ít nhất sáu tháng thường có kỹ năng giao tiếp, quản lý thời gian, và làm việc nhóm tốt hơn so với nhóm chưa từng làm thêm. Công trình có giá trị thực tiễn cao khi chứng minh được lợi ích kỹ năng của việc làm thêm, tuy nhiên vẫn cần xem xét kỹ hơn các tác động tiêu cực như căng thẳng và suy giảm sức khỏe do làm việc quá sức [10].

* Tạp chí

1) Lưu Chí Danh cùng cộng sự (2023). *“Các nhân tố của việc đi làm thêm ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên”*. Tạp chí công thương điện tử. Các tác giả đã sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng với 250 sinh viên

thu được kết quả nghiên cứu cho thấy, có 6 nhân tố tác động đến kết quả học tập: loại công việc làm thêm, thời gian làm việc, mức lương, khoảng cách, sự linh hoạt, hỗ trợ từ gia đình. Ngoài ra, nghiên cứu cũng đưa ra khuyến nghị cho ban giám hiệu các trường đại học định hướng cho sinh viên trong quá trình học tại trường, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo [3].

2) Lê Minh Hằng (2017), *Việc làm thêm của sinh viên – cơ hội và thách thức*”, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội. Tác giả đã bàn luận về hai mặt của hiện tượng làm thêm: vừa là cơ hội để sinh viên rèn luyện tính tự lập, vừa là thách thức khi ảnh hưởng đến kết quả học tập và đời sống tinh thần. Tác giả nhấn mạnh rằng nếu được hướng dẫn và quản lý tốt, làm thêm có thể trở thành một phần của quá trình giáo dục trải nghiệm. Bài viết có cách tiếp cận xã hội học hợp lý, nhưng thiếu số liệu định lượng để củng cố luận điểm [6].

3) Đỗ Thị Thanh Hương (2020), *“Làm thêm và thành tích học tập: Góc nhìn từ sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội”* đăng trên Tạp chí Tâm lý học. Tác giả tập trung nghiên cứu mối quan hệ giữa thời gian làm thêm và kết quả học tập. Tác giả phát hiện rằng sinh viên làm thêm trên 15 giờ/tuần có điểm trung bình học kỳ giảm đáng kể, song lại có mức độ tự tin và kỹ năng tổ chức công việc cao hơn. Bài viết có điểm mạnh ở chỗ kết hợp giữa phân tích thống kê và phỏng vấn sâu, phản ánh rõ đặc trưng sinh viên Sư phạm. Tuy vậy, phạm vi khảo sát còn hạn chế và chưa đánh giá đến các yếu tố về sức khỏe và động lực học tập [8].

4) Nguyễn Thị Bích Ngọc (2023), *“Xu hướng làm thêm trong sinh viên Việt Nam giai đoạn sau đại dịch Covid-19”*, Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn. Bài viết phân tích sự thay đổi trong hành vi làm thêm của sinh viên sau đại dịch: sự gia tăng đáng kể các công việc làm thêm trực tuyến, freelance và công việc thời vụ linh hoạt. Nghiên cứu kết hợp khảo sát định lượng và phỏng vấn sâu, chỉ ra nguyên nhân bao gồm áp lực tài chính, chuyển đổi thói quen học trực tuyến, và nhu cầu trải nghiệm làm việc từ xa. Công trình cập nhật, phù hợp bối cảnh hậu Covid-19 và cung cấp bằng chứng thực nghiệm về xu hướng mới; tuy

nhiên, nếu mở rộng so sánh quốc tế và khảo sát thêm các trường ngoài khu vực nghiên cứu sẽ làm tăng tính khái quát và sức thuyết phục của kết luận [11].

5) Nguyễn Văn Tuấn (2019), “*Các nhân tố ảnh hưởng đến xu hướng làm thêm của sinh viên tại Việt Nam*”, Tạp chí Khoa học Giáo dục. Bài viết dựa trên dữ liệu khảo sát 400 sinh viên ở ba trường đại học, tác giả đã chỉ ra năm nhóm nhân tố chính chi phối hành vi làm thêm, gồm: tài chính, xã hội, học tập, tâm lý và cơ hội nghề nghiệp. Bài báo có giá trị ở chỗ kết hợp mô hình phân tích nhân tố và hồi quy đa biến để lượng hóa tác động, góp phần củng cố cơ sở lý thuyết cho các nghiên cứu sau. Tuy nhiên, phần thảo luận còn khái quát, chưa đề xuất giải pháp cụ thể giúp sinh viên cân bằng học và làm thêm [14].

6) Nguyễn Ngọc Thuận và các cộng sự (2024). “*Thực trạng hoạt động làm thêm của sinh viên y khoa trường Đại học Y - Dược Thái Nguyên*”, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên, Trường Đại học Y – Dược Thái Nguyên. Nghiên cứu thực hiện với mục tiêu mô tả thực trạng hoạt động làm thêm của sinh viên Y Khoa từ năm 01 đến năm 03 trường Đại học Y – Dược Thái Nguyên năm 2023 và đánh giá ảnh hưởng của hoạt động làm thêm đối với đời sống và học tập của sinh viên. Nghiên cứu mô tả qua khảo sát ý kiến của 806 sinh viên Y Khoa từ năm 01 đến năm 03 trường Đại học Y – Dược Thái Nguyên năm 2023. Kết quả nghiên cứu cho thấy: Tỷ lệ sinh viên đi làm thêm là 35,5%, công việc nhiều sinh viên lựa chọn nhất là phục vụ (34,9%), và giáo dục (32,3%). 43,3% sinh viên đi làm thêm với mục đích muốn kiếm thêm thu nhập và 23,8% muốn tích lũy kinh nghiệm. Có 61,5% sinh viên cảm thấy hài lòng/ rất hài lòng về công việc làm thêm của mình. Việc đi làm thêm đã làm giảm thời gian tự học của 73,8% sinh viên. Như vậy, đa số sinh viên đều hài lòng về công việc làm thêm, sinh viên được làm thêm các công việc hỗ trợ trong ngành như là làm tại các nhà thuốc, phòng khám còn ít. Sinh viên mong muốn được hỗ trợ để tìm được việc làm thêm phù hợp với bản thân, ngành học và mong muốn được hỗ trợ quản lý thời gian, lịch học, phương pháp học sao cho hiệu quả hơn.” [13].

7) Trần Quốc Việt và Phạm Thu Trang (2021), “*Việc làm thêm và sự phát triển kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên Việt Nam*”, Tạp chí Khoa học Lao động

– Xã hội. Nhóm tác giả đã tiếp cận hiện tượng làm thêm từ góc độ phát triển nghề nghiệp. Hai tác giả cho rằng việc làm thêm, đặc biệt là trong các lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành học, đóng vai trò như một hình thức “thực tập sớm”, giúp sinh viên rèn luyện tác phong, kỹ năng chuyên môn và khả năng thích ứng với môi trường làm việc thực tế. Kết quả nghiên cứu cho thấy hơn 70% sinh viên được khảo sát nhận thấy việc làm thêm giúp họ tự tin hơn trong giao tiếp và xác định rõ định hướng nghề nghiệp tương lai. Bài viết cũng phân tích sự khác biệt giữa sinh viên làm thêm chính thức (có hợp đồng) và không chính thức (việc tự do, thời vụ), cho thấy nhóm có việc làm chính thức có mức độ phát triển kỹ năng nghề nghiệp cao hơn. Đây là công trình có giá trị thực tiễn cao, thể hiện rõ mối liên hệ giữa học tập và thực hành nghề nghiệp, đồng thời gợi mở hướng nghiên cứu mới về tích hợp hoạt động làm thêm vào chương trình đào tạo. Tuy nhiên, bài viết còn thiếu phân tích định lượng sâu để đánh giá cường độ tác động giữa số giờ làm thêm và mức độ phát triển kỹ năng [16].

2. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh kinh tế - xã hội hiện nay, vấn đề việc làm thêm của sinh viên đang trở thành một hiện tượng phổ biến ở hầu hết các trường đại học. Việc làm thêm giúp sinh viên có thêm thu nhập để trang trải chi phí học tập và sinh hoạt, đồng thời rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp và khả năng thích ứng với môi trường lao động thực tế. Tuy nhiên, nếu không được định hướng đúng đắn, hoạt động làm thêm có thể ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả học tập, sức khỏe và định hướng nghề nghiệp lâu dài của sinh viên.

Trường Đại học Hoa Lư, một cơ sở đào tạo đa ngành của tỉnh Ninh Bình, phần lớn sinh viên có hoàn cảnh kinh tế trung bình hoặc khó khăn, nhu cầu làm thêm để giảm gánh nặng tài chính cho gia đình ngày càng gia tăng. Bên cạnh đó, thị trường lao động tại địa phương đang có nhiều biến động, với sự xuất hiện của các khu công nghiệp, dịch vụ và thương mại phát triển, tạo ra nhiều cơ hội việc làm nhưng cũng tiềm ẩn những thách thức trong việc lựa chọn công việc phù hợp với sinh viên.

Hiện nay, chưa có nhiều nghiên cứu chuyên sâu về thực trạng làm thêm của sinh viên Trường Đại học Hoa Lư, đặc biệt là các khía cạnh như: động cơ làm thêm, thời gian và hình thức làm việc, tác động đến học tập và định hướng nghề nghiệp. Việc nghiên cứu làm thêm của sinh viên Trường Đại học Hoa Lư là cần thiết nhằm cung cấp cơ sở khoa học cho nhà trường và các cơ quan liên quan trong việc xây dựng chính sách hỗ trợ, tư vấn hướng nghiệp và quản lý hoạt động làm thêm của sinh viên một cách hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện.

Xuất phát từ những vấn đề trên, chúng tôi lựa chọn đề tài: ***“Thực trạng làm thêm của sinh viên Trường đại học Hoa Lư”***.

3. Mục tiêu nghiên cứu

Đánh giá thực trạng và tác động của việc làm thêm đối với sinh viên trường Đại học Hoa Lư, từ đó đề ra các giải pháp nhằm hỗ trợ sinh viên cân bằng giữa việc học và làm thêm.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên trường đại học Hoa Lư hệ Chính quy

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Nội dung: Thực trạng làm thêm đối với sinh viên
- Không gian: Trường đại học Hoa Lư
- Thời gian: Điều tra khảo sát thực trạng sinh viên đi làm thêm tháng

4/2025

5. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu của đề tài

5.1. Cách tiếp cận

Lý thuyết – Thực trạng – Giải pháp

5.2. Phương pháp nghiên cứu

* *Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp*: được thu thập từ Phòng công tác chính trị HSSV, Trường đại học Hoa Lư. Các thông tin này bao gồm số lượng sinh viên tại các ngành học tại trường, giới tính.

* *Phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp*: Sử dụng khảo sát trực tuyến để thu thập thông tin về thực trạng, động cơ và ảnh hưởng của việc làm thêm.

- Thiết kế bảng hỏi. Bảng hỏi được thiết kế với cấu trúc rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, gồm 4 phần chính, tổng cộng 22 câu hỏi, được chia như sau:

+ Phần A – Thông tin chung: thu thập các đặc điểm nhân khẩu học cơ bản của sinh viên như giới tính, năm học, khoa, nơi ở, học lực và hoàn cảnh kinh tế gia đình.

+ Phần B – Thực trạng làm thêm: tập trung khai thác thông tin về thời điểm bắt đầu làm thêm, cách tìm việc, loại hình công việc, thời gian và thu nhập, lý do làm thêm, mức độ hài lòng và mức độ liên quan đến ngành học.

+ Phần C – Ảnh hưởng và cân bằng: đánh giá tác động của việc làm thêm đến kết quả học tập, những khó khăn sinh viên gặp phải, các biện pháp mà họ áp dụng để cân bằng giữa học và làm, cũng như mong muốn hỗ trợ từ phía nhà trường.

+ Phần D – Ý kiến đề xuất: thu thập các kiến nghị, giải pháp và đề xuất cụ thể của sinh viên nhằm nâng cao hiệu quả hỗ trợ từ nhà trường đối với sinh viên đi làm thêm.

Các câu hỏi được thiết kế theo dạng lựa chọn một đáp án, chọn nhiều đáp án, và một số câu trả lời mở để thu thập thêm thông tin định tính. Trước khi triển khai chính thức, bảng hỏi đã được kiểm tra thử (pilot test) trên một nhóm nhỏ sinh viên (khoảng 15 người) để đánh giá tính dễ hiểu và phù hợp, sau đó được điều chỉnh về ngôn ngữ và bố cục nhằm đảm bảo tính rõ ràng và độ tin cậy của thông tin thu thập.

- Đề tài sử dụng phương pháp chọn mẫu phi xác suất – chọn mẫu thuận tiện, do đặc thù nghiên cứu tập trung vào nhóm sinh viên đang theo học tại Trường Đại học Hoa Lư. Cụ thể, phiếu khảo sát được phát hành trực tuyến thông qua Google Form, được chia sẻ thông qua giáo viên chủ nhiệm các lớp.

- Đối tượng khảo sát chủ yếu là sinh viên từ năm thứ hai đến năm thứ tư, bên cạnh đó có một tỷ lệ nhỏ sinh viên năm thứ nhất với 30 sinh viên tham gia để phản ánh góc nhìn đa dạng về vấn đề nghiên cứu.

- Tổng số 532 phiếu khảo sát được thu về. Sau khi tiến hành rà soát, có 488 phiếu hợp lệ được sử dụng cho phân tích. Các phiếu không hợp lệ là những phiếu do sinh viên không tham gia làm thêm nhưng vẫn trả lời các câu hỏi từ câu 10 đến câu 17, vốn liên quan đến thực trạng việc làm thêm. Việc loại bỏ các phiếu này nhằm đảm bảo tính chính xác và phản ánh đúng đối tượng nghiên cứu.

** Phương pháp phân tích, thống kê mô tả :*

Sau khi thu thập, dữ liệu được mã hóa và nhập vào Microsoft Excel để tiến hành thống kê mô tả, tính toán tần suất, tỷ lệ phần trăm, và tổng hợp kết quả thành các bảng và biểu đồ. Ngoài ra, nghiên cứu tiến hành so sánh giữa hai nhóm sinh viên Sư phạm và Ngoài Sư phạm nhằm làm rõ sự khác biệt trong đặc điểm, khó khăn, biện pháp cân bằng và nhu cầu hỗ trợ khi đi làm thêm.

Kết quả phân tích được trình bày trong Chương 2 – Thực trạng làm thêm của sinh viên Trường Đại học Hoa Lư, làm cơ sở cho việc đề xuất giải pháp hỗ trợ sinh viên trong chương tiếp theo.

Chương 1 - CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ VIỆC LÀM VÀ LÀM THÊM CỦA SINH VIÊN

1.1 Tổng quan về việc làm và làm thêm của sinh viên

1.1.1. Khái niệm

*** Khái niệm về việc làm**

Trong bối cảnh nền kinh tế ngày càng phát triển và thị trường lao động biến động mạnh mẽ, việc làm trở thành một trong những vấn đề trung tâm được quan tâm trong nghiên cứu kinh tế – xã hội. Việc làm không chỉ là điều kiện đảm bảo thu nhập và đời sống vật chất cho người lao động mà còn là thước đo phản ánh sự phát triển và ổn định của xã hội.

- Theo Tổ chức Lao động Quốc tế, việc làm là hoạt động lao động có trả công hoặc tạo ra thu nhập, bao gồm cả công việc làm thuê, tự làm hoặc sản xuất hàng hóa – dịch vụ để tiêu dùng hoặc trao đổi. Định nghĩa này cho thấy việc làm không chỉ gắn liền với khu vực chính thức mà còn bao gồm cả các hoạt động kinh tế phi chính thức, miễn là tạo ra giá trị và thu nhập cho người lao động [19].

- Luật Việc làm năm 2013 của Việt Nam nêu rõ: Việc làm là hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà không bị pháp luật cấm. Người có việc làm là người đang làm việc để nhận tiền công, tiền lương hoặc thu nhập bằng hiện vật, hoặc tự tạo việc làm cho mình. Cách tiếp cận này nhấn mạnh yếu tố tính hợp pháp và tạo thu nhập, thể hiện rõ quan điểm của Nhà nước về quyền được làm việc và bình đẳng trong cơ hội việc làm cho mọi công dân [2].

Từ các khái niệm trên, có thể thấy rằng việc làm không chỉ là phương tiện để đảm bảo đời sống mà còn là con đường để mỗi cá nhân khẳng định giá trị bản thân trong xã hội.

*** Khái niệm về làm thêm của sinh viên**

Trong bối cảnh giáo dục đại học, việc làm thêm thường được hiểu là công việc sinh viên thực hiện ngoài thời gian học tập chính khóa nhằm mục đích kiếm thêm thu nhập, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp hoặc trải nghiệm môi trường lao động. Thực chất việc làm thêm là một định nghĩa nhằm mô tả

hay diễn đạt một công việc mang tính chất không chính thức, không thường xuyên, không cố định bên cạnh một công việc chính thức, là việc làm mà người lao động tận dụng thời gian để tăng thêm thu nhập:

- Theo Tổ chức Lao động Quốc tế, công việc bán thời gian được định nghĩa là việc làm có số giờ làm việc ít hơn bình thường của những người lao động toàn thời gian tương đương của quốc gia, ngành hoặc nghề nghiệp [19].

- Ở Việt Nam, việc làm không trọn thời gian đã được Bộ luật Lao động năm 2019 quy định là công việc có thời gian làm việc ngắn hơn so với thời gian làm việc bình thường theo ngày hoặc theo tuần hoặc theo tháng được quy định trong pháp luật về lao động, thỏa ước lao động tập thể hoặc nội quy lao động [2].

- Đối với sinh viên, người đang học chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy tại các cơ sở giáo dục đại học; có nhiệm vụ chính là học tập, rèn luyện theo theo chương trình, kế hoạch giáo dục, đào tạo của cơ sở giáo dục đại học [1]. Như vậy, việc tham gia các hoạt động ngoài giờ học, công việc bán thời gian được xác định là công việc làm thêm ngoài công việc chính học tập của sinh viên.

Việc làm thêm thực chất là một định nghĩa nhằm mô tả hay diễn đạt một công việc mang tính chất không chính thức, không thường xuyên, không cố định, không ổn định bên cạnh một công việc chính thức. việc làm công việc ngoài giờ làm chính thức để kiếm thêm thu nhập. Việc làm thêm còn có một khái niệm khác nữa là việc làm bán thời gian (parttime). Các công việc làm thêm, bán ăn thời gian thường kéo dài trong khoảng thời gian từ 3 đến 5 giờ mỗi ngày hoặc ít hơn tùy vào tính chất của mỗi công việc [12].

Việc làm thêm đối với sinh viên được hiểu là *sự tham gia thị trường lao động khi sinh viên vẫn còn đang học tập tại trường ở các công ty, các tổ chức, các đơn vị, các hộ gia đình mà không bị pháp luật ngăn cấm*. Như vậy, việc làm thêm của sinh viên vừa có ý nghĩa kinh tế, vừa mang giá trị giáo dục và xã hội.

1.1.2. Đặc điểm và vai trò việc làm thêm của sinh viên

1.1.2.1. Đặc điểm

- Về thời gian làm việc: Thời gian làm thêm của sinh viên là do sinh viên quyết định. Thời gian làm thêm của sinh viên có xu hướng chọn ca làm việc phù hợp với lịch học và lịch sinh hoạt cư trú của mình. Tuy nhiên, thời gian của một ca làm thêm được quyết định bởi các nhà sử dụng lao động (thời gian làm việc tối thiểu). Mặc dù vậy, căn cứ vào tình hình thực tế của công việc, sinh viên vẫn có thể thoả thuận đăng kí thêm thời gian làm việc nếu đáp ứng được đầy đủ các điều kiện cần thiết của công việc. Vì vậy, thời gian làm thêm của sinh viên thường được sắp xếp ngoài giờ học, cuối tuần hoặc theo ca, để sinh viên có thể cân đối giữa học và làm. Theo nghiên cứu của Furr & Elling, 2000 chỉ ra rằng các sinh viên có khoảng thời gian làm việc từ 1 - 15 giờ mỗi tuần sẽ có điểm trung bình cao hơn đáng kể so với các sinh viên làm việc 16 giờ trở lên và sinh viên không đi làm. Nghĩa là làm việc với số thời gian hợp lý sẽ tỷ lệ thuận với thành tích học tập tốt [18].

- Về loại công việc làm thêm: Kết quả nghiên cứu của Staniewski và Szopiński (2015) đã cho thấy rằng sự lựa chọn khởi nghiệp của sinh viên có thể phụ thuộc vào ngành học mà họ theo đuổi cũng là một tác nhân khiến họ đi làm thêm để có một chiến lược cho việc họ khởi nghiệp trong tương lai. Các ngành học khác nhau có thể ảnh hưởng khác biệt đến ý định khởi nghiệp của sinh viên.

- Về thu nhập: Với xu hướng ngày càng độc lập về kinh tế và tăng tính tự chủ cá nhân nên sinh viên ngày càng muốn kiếm tiền nhiều hơn [20]. Học phí và chi phí sinh hoạt khiến sinh viên ngày càng áp lực về tài chính, đây là động lực thúc đẩy sinh viên đi làm để tự trang trải cho việc học tập và cuộc sống, đặc biệt là các sinh viên xuất thân từ gia cảnh khó khăn [21]. Theo nghiên cứu Furr và Elling (2000) cho thấy yếu tố tài chính là một trong những yếu tố chủ yếu tác động đến quyết định của sinh viên tham gia vào các công việc làm thêm. Không chỉ đơn giản là muốn kiếm thêm thu nhập cá nhân, mà còn vì nhu cầu phụ giúp gia đình và trang trải cuộc sống hàng ngày. Sinh viên

thường phải đối mặt với các chi phí sinh hoạt, như tiền thuê nhà, chi phí ăn uống, sách vở và các khoản chi phí khác. Việc làm thêm cung cấp một nguồn thu nhập bổ sung, giúp sinh viên giảm bớt áp lực tài chính và tự mình trang trải cuộc sống. Hơn nữa, trong một số trường hợp, việc tham gia vào các công việc bán thời gian cũng là cách để sinh viên phụ giúp gia đình trong việc trả các chi phí cơ bản hoặc hỗ trợ tài chính cho gia đình. Có thể có những trách nhiệm gia đình hoặc áp lực từ phía gia đình khiến cho sinh viên cảm thấy cần phải đóng góp một phần thu nhập để giúp đỡ. Do sinh viên làm thêm trên nhiều lĩnh vực như dịch vụ (phục vụ, bán hàng), giáo dục (gia sư), văn phòng bán thời gian, công việc trực tuyến,... nên thu nhập của các công việc cũng khác nhau. Trung bình, mức lương làm thêm của sinh viên khoảng 15.000đ – 20.000đ/ giờ.

1.1.2.2. Vai trò

- Có thêm thu nhập là điều đầu tiên các bạn sinh viên nhận được khi tham gia các công việc làm thêm. Mức thu nhập này cao hay thấp tùy thuộc vào tính chất công việc làm thêm. Khoản thu nhập này giúp các bạn sinh viên có thể tự túc được một phần chi phí ăn uống, sinh hoạt của bản thân; giảm bớt được gánh nặng cho gia đình và phục vụ được nhu cầu của chính bản thân các bạn.

- Các mối quan hệ xã hội chất lượng là cơ hội, nền tảng vững chắc cho tương lai của bạn sau này. Đi làm thêm sẽ giúp bạn xây dựng networking, mở rộng mối quan hệ với các anh chị trong ngành. Từ đó giúp các sinh viên định hướng nghề nghiệp, tạo các cơ hội việc làm trong tương lai [23].

- Công việc làm thêm đều mang lại cho các bạn sinh viên những kinh nghiệm và kỹ năng cần thiết dù ít hay nhiều cho quá trình học tập trên trường cũng như mối quan hệ trong cuộc sống hiện tại và tương lai. Đi làm thêm là cơ hội để các bạn sinh viên có thể giao tiếp, tương tác và gặp gỡ nhiều người hơn. Khi kỹ năng giao tiếp tốt, sinh viên sẽ tự tin trong các mối quan hệ, nắm bắt tốt những cơ hội để cải thiện và nâng cao kỹ năng, kiến thức của bản thân. Đi làm thêm chính là một trải nghiệm thực tế để các bạn sinh viên áp dụng

những lí thuyết đã được học vào chuyên môn công việc, va vấp và xử lí những tình huống trong đời sống. Đây là điều mà rất hiếm trường đại học có thể mang lại do thiếu nhiều giờ học thực hành.

- Việc làm thêm giúp sinh viên mở rộng cơ hội việc làm, nghề nghiệp trong tương lai. Một lợi ích lớn khi bạn đi làm thêm khi còn là sinh viên chính là làm đẹp cho CV, tạo nền tảng khi đi xin việc thực tập sinh hoặc công việc sau này. Bởi khi đi xin việc ở bất kỳ đâu, cũng yêu cầu CV, kinh nghiệm cũng như là các hoạt động ngoại khoá để nhà tuyển dụng đánh giá năng lực của bạn.

- Phát hiện khả năng, sở thích tiềm ẩn của bản thân. Trước khi học đại học, đi làm thêm thì chúng ta đều được bao bọc, đi theo định hướng của cha mẹ. Vì thế, các bạn không biết được điểm mạnh điểm yếu của mình là gì, mình thích gì và có những khả năng gì? Lúc này, đi làm thêm sẽ là cơ hội để bạn khám phá những khả năng tiềm ẩn của bản thân, đánh giá xem bản thân là người hướng ngoại không, thích giao tiếp không hay phù hợp với các công việc văn phòng,... [23].

- Đi làm thêm là một cách thức để sinh viên tận dụng thời gian nhàn rỗi của mình. Sinh viên có thể lựa chọn bất kì công việc nào phù hợp với thời gian biểu và lịch học trên lớp mà không bị bó hẹp hay giới hạn. Thêm nữa một số trường đại học chỉ có lịch học nửa buổi/ngày, sinh viên có thể tận dụng thời gian còn lại để đi làm thêm và tự học

1.1.3. Phân loại công việc làm thêm của sinh viên

1.1.3.1. Căn cứ theo thời gian làm việc

- ***Việc làm thêm toàn thời gian*** (Full time). Toàn thời gian là công việc làm theo giờ hành chính hoặc theo ca 8 tiếng mỗi ngày. Công việc này chỉ dành cho những người đã đi làm, không tính học sinh, sinh viên làm thêm. Khi làm việc toàn thời gian, nhân sự sẽ được hưởng chế độ lương cứng, thưởng, chế độ đãi ngộ khác và đóng bảo hiểm theo đúng luật pháp [24].

- ***Việc làm thêm bán thời gian*** (Part time) là thuật ngữ được sử dụng để mô tả những công việc làm thêm với thời gian linh hoạt. Thông thường,

thời gian làm việc part time linh hoạt và chia theo ca, mỗi ca kéo dài từ 2 – 4 tiếng/ ngày. Công việc bán thời gian thường hướng đến các đối tượng người tìm việc là học sinh, sinh viên, nội trợ... những người có nhiều thời gian rảnh có nhu cầu đi làm [2]..

1.1.3.2. Căn cứ theo địa điểm làm việc

- Việc làm thêm tại nhà và việc làm thêm online

Với các công việc làm thêm tại nhà vào buổi tối sẽ giúp bạn không phải đi làm xa, có thể kết hợp được cả công việc gia đình với các công việc làm thêm, giúp bạn tận dụng được các khoảng thời gian rảnh dỗi một cách hiệu quả nhất, bao gồm:

- + Nhận gia công tại nhà
- + Nhân làm sổ sách kế toán tại nhà
- + Việc làm thêm dịch thuật:
- + Việc làm thêm viết bài Content, PR cho website, công ty truyền thông:
- + Bán hàng Online tại nhà: Nếu bạn là người đam mê kinh doanh nhưng chưa có điều kiện để mở cửa hàng thì việc kinh doanh online chính là một bài test hiệu quả dành cho bạn để bạn có thể đánh giá năng lực cũng như khả năng kinh doanh của bản thân. Hiện nay, có rất nhiều mặt hàng để bạn có thể lựa chọn là mặt hàng để bán, ngoài ra cũng có rất nhiều các khóa học và chương trình đào tạo để bạn có thể thành thục các kỹ năng bán hàng Online trực tuyến qua mạng. Vì thế, việc bán hàng cũng trở lên đơn giản hơn bao giờ hết.

- Việc làm thêm tại các công ty, tổ chức

Hiện nay, tại các cửa hàng nhu cầu tuyển dụng người làm thêm hoặc làm part time bán thời gian rất lớn, các công việc làm thêm cũng nhiều, có thể kể đến một số công việc làm thêm tại các cửa hàng bạn có thể lựa chọn như sau:

- + Việc làm thêm bán hàng: Đây là công việc làm thêm được nhiều bạn lựa chọn, đây là công việc có những yêu cầu không quá cao và khắt khe chỉ yêu cầu bạn nhanh nhẹn và có sự năng động trong quá trình làm việc. Đây

cũng là công việc đang được nhiều các cửa hàng đăng tuyển nhiều nhất hiện nay.

+ Việc làm thêm thu ngân: Sau việc làm thêm bán hàng thì các công việc làm thêm thu ngân là vị trí thứ 2 được các nhà tuyển dụng đăng tuyển. Các công việc này liên quan đến việc thu chi tại cửa hàng, làm các thủ tục thanh toán... Với công việc này thường sẽ phù hợp với các bạn có chuyên ngành kế toán vì sẽ phải liên quan đến tính toán sổ sách. Tất nhiên, nếu bạn không có chuyên môn bạn vẫn sẽ có thể làm được nhưng thời gian đầu ít nhiều bạn cũng sẽ gặp những khó khăn nhất định.

- Việc làm thêm phục vụ: Cũng giống như việc làm thêm bán thời gian bán hàng thì việc làm thêm phục vụ cũng yêu cầu sự năng động của người làm và thường phù hợp hơn với các bạn trẻ vì đòi hỏi công việc cần phải có sự di chuyển nhiều. Bên cạnh đó, một yếu tố ngoại hình cũng sẽ giúp cho bạn dễ dàng hơn trong việc tìm các công việc phục vụ.

- Việc làm thêm phụ bếp: Công việc này thường phù hợp với các bạn có đam mê nấu nướng hoặc học hỏi những món ăn mới. Tại đây, bạn không chỉ có được công việc làm thêm kiếm thêm thu nhập mà bạn còn có cơ hội để học hỏi các công thức nấu nướng mới hoặc nếu có đủ khả năng thì bạn hoàn toàn có thể trải nghiệm vai trò của một người sáng tạo trong không gian bếp tại các cửa hàng

1.1.3.3. Căn cứ theo ngành nghề làm việc

- Giáo dục đào tạo: Gia sư; Trợ giảng; Nhập liệu ...

- Công nghệ thông tin: Thiết kế các phần mềm thiết kế; Nhân viên SEO công nghệ; Quản trị hệ thống mạng [25]..

- Dịch vụ: Xe ôm công nghệ; Bán hàng; Chăm sóc khách hàng; Nhân viên phục vụ; Tiếp thị liên kết ...

- Sản xuất: Thực tập sinh kỹ thuật; Công nhân; ...

1.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến làm thêm của sinh viên

1.2.1. Yếu tố chủ quan

- Thu nhập: Sinh viên đi làm thêm đều mong muốn có một thu nhập tương xứng với công sức và khả năng của mình. Đây có thể là một trở ngại

trong quá trình quyết định đi làm thêm của sinh viên do các công việc bán thời gian thường không tận dụng được hết kỹ năng riêng biệt của từng người và có mức lương thấp. Một sinh viên có kỹ năng cao có thể sẽ quyết định không làm những công việc chỉ yêu cầu kỹ năng cơ bản mà sẽ cố gắng tìm các công việc chuyên môn hóa hơn và có tiền lương cao hơn. Ngược lại, một sinh viên không có những kỹ năng đặc biệt vẫn có thể tìm kiếm các công việc làm thêm do yêu cầu công việc của loại hình lao động này là không cao. Việc làm bán thời giống như một giải pháp về mặt tài chính mà vẫn không ảnh hưởng quá nhiều tới việc học. Nếu một sinh viên có nhiều khoản cần chi trả thì khả năng họ tìm kiếm việc làm cao hơn so với một sinh viên không có nhu cầu chi tiêu nhiều. Đồng thời, chi phí sinh hoạt cũng là một yếu tố quyết định kỳ vọng về việc làm thêm của sinh viên. Chi phí sinh hoạt càng lớn thì sinh viên càng kỳ vọng thu nhập cao từ việc làm, hoặc cố gắng làm nhiều hơn. Một sinh viên cũng có thể quyết định làm việc khi mà thu nhập phù hợp với chi phí sống của mình mặc dù công việc đó dưới khả năng của bản thân [15].

- Kinh nghiệm và kỹ năng: Kỹ năng và kinh nghiệm sống được tích lũy qua công việc làm thêm sẽ mở rộng được mối quan hệ và tạo cơ hội việc làm trong tương lai. Cùng với đó, bạn sẽ tự tin hơn rất nhiều khi lựa chọn công việc, chứng tỏ năng lực của bản thân và quyết định gắn bó với công việc lâu dài. Kỹ năng và kinh nghiệm thực tế là một trong những điều mà sinh viên muốn đạt được khi quyết định tìm việc làm thêm. Hai kỹ năng chính mà sinh viên tích lũy được từ công việc làm thêm [15].

+ Kỹ năng mềm: Việc làm thêm bên cạnh đem lại tri thức và kỹ năng chuyên môn về công việc còn mang lại những kỹ năng xã hội khác như hiểu chính bản thân mình để giao tiếp hiệu quả và đồng cảm chính xác, xây dựng mối quan hệ từ niềm tin với đồng nghiệp và quản lý. Việc làm thêm tạo cơ hội để ta được tương tác và giao tiếp nhiều hơn với người khác, luôn biết cách trau dồi và học hỏi để cải thiện bản thân. Kỹ năng mềm ít được rèn luyện trên trường lớp, vì vậy, việc lựa chọn đi làm thêm chính là cơ hội để sinh viên va chạm với đời sống [15].

+ Kỹ năng cứng: Nhiều sinh viên chấp nhận thực tập ở các công ty hoặc các công việc bán thời gian mà có mức lương thấp nhưng có liên quan đến sự nghiệp sau này để có thể học hỏi được các kỹ năng cần thiết. Việc xem xét và đánh giá tác dụng của việc làm thêm đối với nâng cao khả năng bản thân không chỉ làm tác động đến quyết định đi làm của sinh viên mà còn khiến họ cân nhắc chọn ra được công việc phù hợp với bản thân nhất. Sinh viên cần phải lựa chọn giữa một công việc có mức lương tốt hơn hoặc dễ tìm hơn nhưng không liên quan đến nghề nghiệp sau này hay một công việc có thu nhập ít hơn nhưng giúp tăng thêm kinh nghiệm cho tương lai [15].

- Thời gian: Thời gian rảnh trong năm học có tác động lớn tới quyết định đi làm thêm của sinh viên. Đa số các trường đại học có chương trình học theo tín chỉ, vì vậy sinh viên có thể quyết định được thời gian dành ra để học trong một kỳ. Như vậy, quyết định đi làm thêm sẽ phụ thuộc vào phân chia thời gian của sinh viên. Sinh viên càng có nhiều thời gian không phải lên lớp trong một kỳ thì sẽ có xu hướng muốn đi làm thêm hơn. Đồng thời, sinh viên không cần dành nhiều thời gian rảnh để học cũng sẽ muốn tìm việc làm [8].

1.2.2. Yếu tố khách quan

- Khả năng chu cấp của gia đình: Đa số sinh viên đều nhận từ gia đình một khoản tiền chu cấp mỗi tháng để thanh toán chi phí học tập, sinh hoạt và các khoản khác. Tùy thuộc vào số tiền chu cấp này sẽ ảnh hưởng tới quyết định đi làm thêm của sinh viên. Nếu khoản tiền này là đủ cho tất cả các loại chi phí thì sinh viên có xu hướng không đi làm thêm hoặc chỉ đi làm thêm để lấy kinh nghiệm. Ngược lại, nếu khoản tiền này là không đủ thì sinh viên sẽ buộc phải tìm kiếm việc làm để có thêm thu nhập bù vào khoản chi phí chưa thanh toán [15].

- Quan điểm của gia đình về việc làm thêm: Gia đình có ảnh hưởng lớn tới quyết định đi làm thêm của sinh viên. Nếu như gia đình có quan điểm cấm con cái đi làm thêm và tập trung vào việc học thì khả năng sinh viên có mong muốn đi làm sẽ thấp hơn. Trong trường hợp gia đình không có ý kiến về việc đi làm hay khuyến khích đi làm thêm thì sẽ có tác động tích cực tới quyết

định đi làm của sinh viên. Gia đình là yếu tố quan trọng đến việc định hướng nghề nghiệp trong tương lai. Hơn nữa, với gia đình có nghề truyền thống sẽ tác động mạnh đến quyết định đi làm thêm và lựa chọn việc làm thêm của sinh viên liên quan đến ngành truyền thống của gia đình bởi đây là thời điểm làm nền tảng, tích lũy kinh nghiệm cần thiết cho công việc sau khi ra trường [15].

- Nơi cư trú: Các trung tâm thương mại và các khu vui chơi giải trí có nhu cầu thuê nhân công làm thêm như bồi bàn, nhân viên bán hàng, lễ tân,... Những công việc này không yêu cầu tính chuyên môn hóa cao mà cần những kỹ năng mềm (ví dụ như giao tiếp với khách hàng) chính vì thế mà sinh viên có nhiều cơ hội để tìm kiếm việc làm hơn và cơ hội là như nhau giữa tất cả các sinh viên. Tuy nhiên thì đây cũng là những công việc không có quá nhiều tác động tới công việc tương lai của sinh viên nên đây là một yếu tố ảnh hưởng tới quyết định đi làm thêm [15].

1.3. Một số kinh nghiệm làm thêm của sinh viên hiện nay

1.3.1. Một số kinh nghiệm làm thêm của sinh viên các nước trên thế giới

1.3.1.1. Kinh nghiệm làm thêm của sinh viên tại Anh

Ở Anh, việc làm thêm trong thời gian học là một thực tế khá phổ biến, đặc biệt đối với sinh viên quốc tế. Những sinh viên có visa sinh viên thường được phép làm việc tối đa 20 giờ mỗi tuần trong thời gian học, và được làm việc toàn thời gian trong kỳ nghỉ hoặc sau khi khóa học chính thức kết thúc. Nếu người học đang theo các chương trình dưới bậc đại học (như chương trình dự bị, tiếng Anh), giới hạn này đôi khi là 10 giờ/tuần trong thời gian học. Mức lương mà sinh viên nhận được phụ thuộc vào công việc và vị trí, nhưng nếu công việc được xếp là lao động và không chỉ là thực tập bắt buộc, người lao động phải được trả ít nhất mức lương tối thiểu quốc gia nếu họ đủ điều kiện là công nhân [26].

Về thu nhập thực tế, vì mức lương tối thiểu ở Anh thường được đặt ra theo giờ và tùy theo vùng (London thường cao hơn các vùng khác), thu nhập từ

việc làm thêm của sinh viên có thể dao động đáng kể. Nhiều sinh viên làm trung bình khoảng 14 - 15 giờ/tuần theo một khảo sát năm 2024, và khi kết hợp với giờ học thì tổng thời gian làm việc, học tập có thể lên tới gần 48 giờ mỗi tuần trong kỳ học. Mặc dù giới hạn giờ làm việc có quy định, hiện có nhiều sinh viên chấp nhận làm việc vượt hơn để đáp ứng chi phí sinh hoạt tăng cao [27].

Một số quy định khác mà sinh viên phải lưu ý là: họ không được làm việc tự do hoặc mở kinh doanh riêng khi đang giữ visa sinh viên. Họ cũng không được nhận các vị trí việc làm toàn thời gian cố định trong thời gian học (trừ khi là phần của chương trình học hoặc sau khi học kết thúc). Nếu một sinh viên vi phạm quy định giờ làm việc (ví dụ làm quá 20 giờ/tuần trong kỳ học), điều này có thể dẫn tới hậu quả nghiêm trọng sẽ bị xử phạt theo pháp luật đến ảnh hưởng tới tình trạng visa hiện tại và khả năng xin visa trong tương lai [27].

Tóm lại, làm thêm là một phần không thể thiếu trong đời sống sinh viên Anh' vừa để hỗ trợ tài chính, vừa để tích lũy kinh nghiệm, nhưng việc này phải được thực hiện trong khuôn khổ quy định của luật di trú và lao động Anh, đảm bảo không ảnh hưởng đến việc học và tuân thủ các giới hạn giờ làm việc.

1.3.1.2. Kinh nghiệm làm thêm của sinh viên tại Mỹ

Tại Hoa Kỳ, việc làm thêm của sinh viên, đặc biệt là sinh viên quốc tế, được điều chỉnh bởi các quy định chặt chẽ trong hệ thống thị thực du học F1 và J1. Theo quy định của Cơ quan Di trú và Hải quan Hoa Kỳ (U.S. Immigration and Customs Enforcement – ICE), sinh viên quốc tế theo diện F1 chỉ được phép làm việc tối đa 20 giờ mỗi tuần trong thời gian học (academic term) và được phép làm toàn thời gian trong kỳ nghỉ hoặc kỳ nghỉ hè khi không có lớp học chính thức [28].

Hình thức làm việc phổ biến nhất là làm việc trong khuôn viên trường học, tại thư viện, căng-tin, trung tâm sinh viên hoặc các phòng ban học thuật (on-campus employment). Đây là loại việc làm dễ xin nhất vì không yêu cầu

cấp phép đặc biệt ngoài visa F1. Ngoài ra, sau khi học ít nhất một năm, sinh viên có thể xin Off-Campus Employment Authorization trong các trường hợp khó khăn tài chính hoặc khi tham gia các chương trình thực tập có liên quan đến ngành học, chẳng hạn như Curricular Practical Training và Optional Practical Training [28].

Về mức thu nhập, theo Cục Thống kê Lao động Hoa Kỳ, mức lương tối thiểu liên bang hiện nay là 7,25 USD/giờ, nhưng nhiều bang và thành phố có mức lương cao hơn đáng kể - ví dụ California có mức 16 USD/giờ và Washington D.C. lên tới 17 USD/giờ (năm 2025). Do đó, thu nhập trung bình của sinh viên làm thêm tại Mỹ dao động trong khoảng 150 – 250 USD mỗi tuần, tùy thuộc vào số giờ làm và vị trí công việc [29].

Các công việc sinh viên Mỹ thường làm thêm bao gồm nhân viên phục vụ, bán hàng, trợ lý thư viện, trợ giảng, gia sư hoặc nhân viên hành chính trong trường. Một số sinh viên chọn làm thêm ở ngoài trường trong các lĩnh vực như nhà hàng, cửa hàng bán lẻ, hoặc trung tâm chăm sóc khách hàng. Tuy nhiên, điều này chỉ được phép nếu có giấy phép làm việc ngoài khuôn viên do Sở Di trú cấp [28].

Việc làm thêm giúp sinh viên rèn luyện tính tự lập, kỹ năng quản lý thời gian và trách nhiệm tài chính. Tuy nhiên, cũng có những rủi ro nếu sinh viên vi phạm quy định lao động – chẳng hạn làm quá số giờ được phép hoặc làm việc không được cấp phép – có thể dẫn đến việc bị hủy tình trạng visa (termination of F1 status). Vì vậy, các trường đại học ở Mỹ thường có International Student Office để tư vấn, kiểm tra và cấp phép cho các hình thức làm việc hợp pháp của sinh viên quốc tế [29].

Tổng thể, làm thêm là một phần quan trọng trong đời sống sinh viên Mỹ, không chỉ giúp họ trang trải chi phí sinh hoạt và học tập, mà còn giúp phát triển kỹ năng nghề nghiệp, mở rộng mối quan hệ và chuẩn bị tốt hơn cho thị trường lao động toàn cầu sau khi tốt nghiệp. Tuy nhiên, sinh viên cần hiểu rõ và tuân thủ các quy định liên quan đến visa và việc làm, nhằm đảm bảo quá trình học tập và làm việc diễn ra hợp pháp và hiệu quả.

1.3.1.3. Kinh nghiệm làm thêm của sinh viên tại Hàn Quốc

Tại Hàn Quốc, làm thêm là một phần phổ biến trong đời sống của sinh viên, đặc biệt là sinh viên quốc tế đến từ các quốc gia châu Á, trong đó có Việt Nam. Chính phủ Hàn Quốc cho phép sinh viên quốc tế làm thêm nhưng áp dụng những quy định chặt chẽ về thời gian và điều kiện, nhằm đảm bảo việc học tập không bị ảnh hưởng. Theo quy định của Cục Xuất nhập cảnh Hàn Quốc, sinh viên quốc tế theo visa du học D2 được phép làm việc tối đa 20 giờ/tuần trong thời gian học kỳ và toàn thời gian trong kỳ nghỉ nếu đã hoàn thành ít nhất một học kỳ tại Hàn Quốc và có điểm trung bình học tập (GPA) từ 2.0 trở lên [30].

Trước khi bắt đầu làm việc, sinh viên phải đăng ký xin phép làm việc bán thời gian tại văn phòng quản lý xuất nhập cảnh địa phương hoặc thông qua hệ thống trực tuyến của HiKorea. Việc làm thêm không được phép thực hiện nếu chưa có giấy chấp thuận này. Sinh viên chỉ được làm trong các ngành nghề hợp pháp, ví dụ như phục vụ tại quán cà phê, nhà hàng, cửa hàng tiện lợi, trung tâm dạy tiếng, hoặc làm trợ lý trong trường đại học. Những công việc trong lĩnh vực giải trí người lớn, quán bar hay karaoke đều bị nghiêm cấm tuyệt đối [31].

Về thu nhập, mức lương tối thiểu tại Hàn Quốc năm 2025 được quy định là 10.030 won/giờ (tương đương khoảng 7,5 USD/giờ), theo Bộ Việc làm và Lao động Hàn Quốc. Với quy định làm việc tối đa 20 giờ/tuần, thu nhập trung bình của sinh viên có thể đạt khoảng 800.000 – 1.000.000 won/tháng, đủ để trang trải một phần chi phí sinh hoạt cơ bản như tiền ăn, đi lại hoặc ký túc xá [31].

Các sinh viên Hàn Quốc bản địa cũng thường làm thêm để tích lũy kinh nghiệm và tự trang trải học phí. Nhiều trường đại học hỗ trợ sinh viên tìm việc thông qua Trung tâm hỗ trợ việc làm sinh viên hoặc hợp tác với các doanh nghiệp địa phương. Ngoài ra, sinh viên có năng lực tiếng Hàn tốt (TOPIK 4 trở lên) có nhiều cơ hội hơn trong các công việc có thu nhập cao và

ổn định, chẳng hạn như trợ giảng, trợ lý nghiên cứu, hay nhân viên hành chính trong trường.

Tuy nhiên, việc làm thêm quá nhiều có thể ảnh hưởng đến kết quả học tập và sức khỏe, đặc biệt đối với sinh viên quốc tế phải cân bằng giữa học ngôn ngữ, văn hóa và công việc. Chính phủ Hàn Quốc thường xuyên kiểm tra và xử phạt nghiêm các trường hợp làm việc vượt quá thời gian quy định hoặc làm việc không được phép, bao gồm cả việc thu hồi visa hoặc trục xuất nếu vi phạm nhiều lần [32].

Tổng thể, việc làm thêm của sinh viên tại Hàn Quốc phản ánh tinh thần tự lập và cầu tiến của giới trẻ, đồng thời là cơ hội để họ rèn luyện kỹ năng, cải thiện tài chính và hòa nhập xã hội. Tuy nhiên, sinh viên cần tuân thủ đầy đủ quy định về thời gian và ngành nghề, đồng thời ưu tiên việc học tập để đạt được hiệu quả tốt nhất trong suốt thời gian học tại Hàn Quốc

1.3.2. Kinh nghiệm làm thêm của sinh viên tại Việt Nam

1.3.2.1. Kinh nghiệm làm thêm của sinh viên tại Hà Nội

Tại Hà Nội, việc làm thêm đã trở thành một phần quen thuộc trong đời sống của sinh viên, đặc biệt đối với những bạn đến từ các tỉnh thành khác. Việc làm thêm không chỉ giúp sinh viên có thêm thu nhập trang trải chi phí sinh hoạt mà còn là cơ hội để rèn luyện kỹ năng mềm, kinh nghiệm thực tế và khả năng thích nghi trong môi trường lao động. Theo khảo sát của Trường Đại học Thương mại (2024), có tới 68% sinh viên từng làm thêm ít nhất một công việc trong quá trình học đại học, trong đó phần lớn chọn công việc bán thời gian tại quán cà phê, trung tâm gia sư, hoặc vị trí cộng tác viên kinh doanh online [33].

Một kinh nghiệm được nhiều sinh viên chia sẻ là nên chọn công việc phù hợp với lịch học và gần nơi ở, tránh di chuyển quá xa khiến mất thời gian và ảnh hưởng đến sức khỏe. Bên cạnh đó, nhiều sinh viên khuyên rằng không nên lựa chọn những công việc có tính rủi ro hoặc hứa hẹn “việc nhẹ lương cao”, vì phần lớn các tin tuyển dụng này có thể là lừa đảo. Kinh nghiệm thực tế từ các trang việc làm như Joboko và JobsGO cho thấy nhiều sinh viên bị

quyết lương do không ký hợp đồng hoặc không có bằng chứng rõ ràng về thỏa thuận công việc. Do đó, trước khi nhận việc, sinh viên cần yêu cầu xác nhận bằng văn bản (hợp đồng, email hoặc tin nhắn rõ ràng về giờ làm, mức lương, phụ cấp) để tránh rủi ro [35].

Một điểm đáng chú ý là nhiều sinh viên ở Hà Nội có xu hướng chọn công việc liên quan đến ngành học nhằm tích lũy kinh nghiệm nghề nghiệp. Sinh viên khối kinh tế thường chọn làm cộng tác viên kinh doanh, kế toán phụ hoặc nhân viên marketing; trong khi sinh viên khối Sư phạm chọn dạy gia sư hoặc trợ giảng. Theo Trung tâm Hỗ trợ Sinh viên – Đại học Kinh tế Quốc dân (2024), khoảng 42% sinh viên tham gia việc làm thêm có liên quan đến chuyên ngành học, giúp tăng khả năng xin việc sau khi tốt nghiệp.

Ngoài thu nhập trung bình từ 3 đến 6 triệu đồng/tháng, điều quan trọng hơn là sinh viên học được cách quản lý thời gian, kỹ năng giao tiếp, tinh thần trách nhiệm và làm việc nhóm. Nhiều sinh viên cho rằng quá trình làm thêm giúp họ trưởng thành hơn, tự tin hơn và hiểu được giá trị của lao động. Tuy nhiên, việc làm thêm cũng cần được cân nhắc kỹ để không ảnh hưởng đến việc học. Các chuyên gia giáo dục khuyến nghị rằng sinh viên chỉ nên làm thêm tối đa 20 giờ/tuần trong thời gian học kỳ, đồng thời nên ưu tiên những công việc linh hoạt về giờ giấc.

1.3.2.2. Kinh nghiệm làm thêm của sinh viên tại thành phố Hồ Chí Minh

Tại Thành phố Hồ Chí Minh, việc làm thêm đã trở thành một lựa chọn quen thuộc của đông đảo sinh viên, đặc biệt là những bạn trẻ từ các tỉnh thành khác đến học tập. Việc làm thêm không chỉ giúp sinh viên có thêm thu nhập để trang trải chi phí sinh hoạt ở một đô thị lớn mà còn là cơ hội để rèn luyện kỹ năng mềm, tích lũy kinh nghiệm thực tế và nâng cao khả năng thích ứng trong môi trường lao động cạnh tranh. Theo thống kê của Trung tâm Hỗ trợ học sinh, sinh viên TP.HCM (SAC, 2024), khoảng 70% sinh viên từng tham gia ít nhất một công việc bán thời gian trong suốt quá trình học đại học, phổ biến nhất là phục vụ quán cà phê, gia sư, nhân viên sự kiện hoặc cộng tác viên bán hàng trực tuyến [36].

Ngoài ra, nhiều sinh viên cảnh báo về những tin tuyển dụng 'việc nhẹ lương cao', yêu cầu nộp phí hoặc giữ giấy tờ tùy thân, vì thực tế đã có không ít trường hợp bị lừa đảo hoặc quỵt lương. Kinh nghiệm rút ra là sinh viên nên yêu cầu có thỏa thuận bằng văn bản hoặc xác nhận rõ ràng qua email, tin nhắn về mức lương, ca làm và chế độ đãi ngộ.

Một điểm đáng chú ý là nhiều sinh viên ở TP.HCM ưu tiên lựa chọn những công việc có liên quan đến chuyên ngành học để tích lũy kinh nghiệm nghề nghiệp. Sinh viên khối công nghệ thông tin thường chọn làm trợ giảng tin học hoặc tham gia dự án phần mềm nhỏ; sinh viên khối ngôn ngữ chọn làm gia sư ngoại ngữ hoặc trợ giảng tại trung tâm Anh ngữ; còn sinh viên khối kinh tế có xu hướng làm cộng tác viên kinh doanh, kế toán phụ hay thực tập tại doanh nghiệp. Theo Báo cáo của SAC (2024), gần 45% sinh viên TP.HCM tham gia việc làm thêm có liên quan trực tiếp đến ngành học, điều này giúp họ có lợi thế rõ rệt trong quá trình xin việc sau khi tốt nghiệp.

Về mức thu nhập, sinh viên làm thêm tại TP.HCM có thể nhận trung bình từ 3–7 triệu đồng/tháng, tùy công việc và thời lượng làm việc. Một số công việc sự kiện hoặc chuyên môn có thể trả 100.000–180.000 đồng/giờ. Tuy nhiên, các chuyên gia khuyến nghị sinh viên chỉ nên làm tối đa 20–25 giờ/tuần trong thời gian học kỳ để không ảnh hưởng đến kết quả học tập.

Chương 2 - THỰC TRẠNG ĐI LÀM THÊM CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

2.1. Đặc điểm chung của sinh viên trường Đại học Hoa Lư

Trường Đại học Hoa Lư là cơ sở giáo dục đại học công lập trực thuộc UBND tỉnh Ninh Bình, giữ vai trò trọng điểm trong đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho địa phương cũng như khu vực đồng bằng Bắc Bộ. Sinh viên của nhà trường đến tập trung chủ yếu từ trong tỉnh, chỉ có tỷ lệ nhỏ sinh viên đến từ địa phương khác nhau và có hơn 50 sinh viên đến từ Lào, tạo nên một môi trường học tập đa dạng, năng động và giàu tiềm năng phát triển.

Trong năm học 2025–2026, tổng số sinh viên toàn trường đạt 1.953 em. Quy mô đào tạo gồm nhiều ngành nghề, tập trung vào các lĩnh vực Sư phạm, Kinh tế, Công nghệ thông tin, Du lịch, đáp ứng nhu cầu nhân lực đa dạng của địa phương. Trong đó, khối ngành Sư phạm có 1.135 sinh viên và khối ngoài Sư phạm có 818 sinh viên. Cơ cấu giới tính cho thấy sự chênh lệch đáng kể, với 1.619 sinh viên nữ và 334 sinh viên nam. Cụ thể, nữ Sư phạm chiếm 1.069 em, nam Sư phạm 66 em; trong khi nữ ngoài Sư phạm có 550 em và nam ngoài Sư phạm 268 em. Những con số này phản ánh đặc điểm nổi bật của nhà trường là tỷ lệ sinh viên nữ chiếm ưu thế, đặc biệt trong các ngành thuộc khối Sư phạm.

Nhà trường không chỉ chú trọng trang bị kiến thức chuyên môn mà còn tập trung rèn luyện kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu khoa học và tư duy sáng tạo cho sinh viên. Các hoạt động ngoại khóa, tình nguyện, nghiên cứu khoa học sinh viên và giao lưu quốc tế được tổ chức thường xuyên, góp phần nâng cao năng lực hội nhập và phát triển toàn diện cho người học. Đời sống sinh viên của Trường Đại học Hoa Lư phong phú và đa dạng. Hàng năm, nhà trường tổ chức nhiều chương trình văn hóa, thể thao, nghệ thuật và duy trì hoạt động sôi nổi của các câu lạc bộ học thuật, câu lạc bộ sở thích. Công tác Đoàn – Hội phát triển mạnh, góp phần hình thành cho sinh viên tinh thần trách nhiệm, khả năng làm việc nhóm và ý thức cộng đồng.

Sinh viên Đại học Hoa Lư được các cơ quan, doanh nghiệp, trường học trong và ngoài tỉnh đánh giá cao nhờ sự chăm chỉ, tinh thần cầu tiến và khả năng thích ứng tốt với môi trường làm việc. Nhiều sinh viên tốt nghiệp đã và đang đảm nhiệm những vị trí quan trọng trong các tổ chức giáo dục, đơn vị hành chính và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình và khu vực lân cận.

Với truyền thống hiếu học, tinh thần trách nhiệm và môi trường đào tạo ngày càng hiện đại, trường Đại học Hoa Lư tiếp tục khẳng định vị thế là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Ninh Bình và cả nước.

2.2. Thực trạng làm thêm của sinh viên trường Đại học Hoa Lư

2.2.1. Đặc điểm của sinh viên tham gia khảo sát

2.2.1.1. Khái quát chung về Sinh viên tham gia khảo sát

Kết quả khảo sát được thực hiện trên 488 sinh viên của trường Đại học Hoa Lư. Trong đó, 323 sinh viên thuộc khối ngành Sư phạm (chiếm 66,19%) và 165 sinh viên thuộc khối ngành Ngoài Sư phạm (chiếm 33,81%). Cơ cấu này phản ánh đặc điểm đặc thù của nhà trường, nơi khối ngành Sư phạm vẫn giữ vai trò chủ đạo trong quy mô và định hướng đào tạo.

Về giới tính, cơ cấu sinh viên tham gia khảo sát có sự chênh lệch rõ rệt giữa hai nhóm. Nữ giới chiếm ưu thế tuyệt đối với 425 sinh viên (87,09%), trong khi nam giới chỉ có 63 sinh viên (12,91%). Đáng chú ý, tỷ lệ nữ trong khối Sư phạm chiếm tới 70,59%, trong khi nam giới tập trung nhiều hơn ở nhóm Ngoài Sư phạm (63,49%). Kết quả này phù hợp với xu hướng chung của các cơ sở đào tạo có khối ngành Sư phạm chủ lực, nơi nữ giới thường chiếm tỷ lệ cao hơn đáng kể.

Xét theo năm học, sinh viên năm thứ 2 chiếm tỷ lệ cao nhất với 240 sinh viên (49,18%), tiếp theo là năm thứ 4 (127 sinh viên, 26,03%) và năm thứ 3 (91 sinh viên, 18,65%). Sinh viên năm thứ nhất chỉ chiếm 6,14% (30 sinh viên). Cơ cấu này cho thấy mẫu khảo sát tập trung chủ yếu vào những sinh viên đã có thời gian học tập và trải nghiệm tại trường, từ đó đảm bảo tính khách quan và độ tin cậy của thông tin thu thập.

Bảng 2.1. Khái quát chung về sinh viên tham gia khảo sát

Tiêu chí	Số lượng (Phiếu)			Tỷ lệ (%)	
	Tổng số	Sur phạm	Ngoài SP	Sur phạm	Ngoài SP
I. Khối học	488	323	165	66.19	33.81
II. Giới tính					
1. Nam	63	23	40	36.51	63.49
2. Nữ	425	300	125	70.59	29.41
III. Năm học hiện tại					
1. Năm 1	30	28	2	93.33	6.67
2. Năm 2	240	139	101	57.92	42.08
3. Năm 3	91	56	35	61.54	38.46
4. Năm 4	127	100	27	78.74	21.26
IV. Nơi ở					
1. Nội trú	134	106	28	79.10	20.90
2. Nhà trọ	169	123	46	72.78	27.22
3. Cùng gia đình	185	94	91	50.81	49.19
V. Học lực					
1. Xuất sắc	66	42	24	63.64	36.36
2. Giỏi	142	117	25	82.39	17.61
3. Khá	213	139	74	65.26	34.74
4. Trung bình	58	22	36	37.93	62.07
5. Khác	9	3	6	33.33	66.67

(Nguồn: Số liệu nhóm tác giả khảo sát năm 2025)

Về nơi ở, sinh viên có sự phân bố tương đối đồng đều giữa ba nhóm. Cụ thể, 185 sinh viên (37,91%) sống cùng gia đình, 169 sinh viên (34,63%) ở nhà trọ và 134 sinh viên (27,46%) ở ký túc xá. Đáng chú ý, sinh viên khối Sur phạm có xu hướng ở nội trú cao hơn (38,08%), trong khi sinh viên Ngoài Sur phạm có tỷ lệ ở cùng gia đình cao hơn (55,15%). Sự khác biệt này phần nào phản ánh điều kiện kinh tế – xã hội và đặc thù học tập của từng nhóm ngành.

Về học lực, kết quả cho thấy chất lượng học tập của sinh viên nhìn chung ở mức khá tốt. Cụ thể, 13,53% sinh viên đạt loại Xuất sắc (66 sinh viên), 29,1% đạt loại Giỏi (142 sinh viên), 43,65% đạt loại Khá (213 sinh viên), 11,89% đạt Trung bình (58 sinh viên) và 1,84% thuộc nhóm khác (9 sinh viên). Như vậy, 86,27% sinh viên đạt kết quả học tập từ Khá trở lên,

trong đó sinh viên khối Sư phạm có tỷ lệ đạt loại Giỏi và Khá cao hơn rõ rệt so với nhóm Ngoài Sư phạm. Kết quả này phản ánh nỗ lực học tập của sinh viên, đồng thời khẳng định hiệu quả của công tác đào tạo và hỗ trợ học tập tại nhà trường.

2.2.1.2. Điều kiện kinh tế của sinh viên

Bảng 2.2. Điều kiện kinh tế của sinh viên tham gia khảo sát

Tiêu chí	Số lượng (Phiếu)			Tỷ lệ (%)	
	Tổng số	Sư phạm	Ngoài SP	Sư phạm	Ngoài SP
I. Hoàn cảnh kinh tế					
1. Khó khăn	30	15	15	50.00	50.00
2. Trung bình	260	177	83	68.08	31.92
3. Khá	175	115	60	65.71	34.29
4. Tốt	23	16	7	69.57	30.43
II. Tổng chi tiêu BQ tháng					
1. Dưới 2000000	150	118	32	78.67	21.33
2. Từ 2.000.000 đến 3.000.000 VNĐ	165	121	44	73.33	26.67
3. Từ 3.000.001 đến 4.000.000 VNĐ	80	51	29	63.75	36.25
4. Từ 4.000.001 đến 5.000.000 VNĐ	55	24	31	43.64	56.36
5. Từ Trên 5.000.000 VNĐ	38	9	29	23.68	76.32
II. Hỗ trợ của gia đình /tháng					
1. Dưới 1.000.000 VNĐ	197	124	73	62.94	37.06
2. Từ 1.000.000 đến 2.000.000 VNĐ	167	117	50	70.06	29.94
3. Từ 2.000.001 đến 3.000.000 VNĐ	84	62	22	73.81	26.19
4. Từ 3.000.001 đến 4.000.000 VNĐ	28	16	12	57.14	42.86
5. Trên 4.000.000 VNĐ	12	4	8	33.33	66.67

(Nguồn: Số liệu nhóm tác giả khảo sát năm 2025)

* Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn sinh viên Trường Đại học Hoa Lư có hoàn cảnh kinh tế ở mức trung bình, chiếm tỷ lệ cao nhất trong tổng số mẫu nghiên cứu với 260 sinh viên. Trong nhóm này, sinh viên khối Sư phạm chiếm 68,08%, còn Ngoài Sư phạm chiếm 31,92%. Điều này phản ánh đặc điểm của sinh viên Sư phạm – đa phần xuất thân từ các gia đình có thu nhập ổn định, đủ trang trải học tập nhưng chưa dư giả. Nhóm sinh viên có hoàn

cảnh khá gồm 175 sinh viên, trong đó 65,71% là Sư phạm, cho thấy vẫn có một bộ phận sinh viên có điều kiện kinh tế tốt hơn trung bình. Trong khi đó, nhóm khó khăn có 30 sinh viên (6,15%), phân bố đều giữa hai khối ngành (mỗi bên 50%). Số sinh viên có điều kiện kinh tế tốt chỉ chiếm 23 sinh viên (4,72%), chủ yếu thuộc khối Sư phạm. Như vậy, sinh viên Sư phạm tập trung chủ yếu ở mức trung bình và khá, thể hiện sự ổn định tương đối, trong khi sinh viên Ngoài Sư phạm có sự phân hóa rõ hơn về điều kiện kinh tế.

* Về tổng chi tiêu trung bình hàng tháng, phần lớn sinh viên chi tiêu trong khoảng 2.000.000 – 3.000.000 đồng/tháng với 165 sinh viên, trong đó nhóm Sư phạm chiếm 73,33%. Đây là mức chi tiêu hợp lý, phản ánh lối sống tiết kiệm và phù hợp với điều kiện tài chính của phần lớn sinh viên. Nhóm có chi tiêu dưới 2 triệu đồng/tháng gồm 150 sinh viên, trong đó Sư phạm chiếm 78,67%, cho thấy nhiều sinh viên Sư phạm có xu hướng tiết kiệm hơn hoặc buộc phải hạn chế chi tiêu. Mức chi tiêu 3–4 triệu đồng/tháng có 80 sinh viên, trong đó 63,75% thuộc khối Sư phạm. Nhóm chi tiêu 4–5 triệu đồng/tháng có 55 sinh viên, nhưng tỷ lệ Ngoài Sư phạm chiếm 56,36%, phản ánh khả năng tài chính linh hoạt hơn. Cuối cùng, nhóm có mức chi tiêu trên 5 triệu đồng/tháng gồm 38 sinh viên, chủ yếu là Ngoài Sư phạm (76,32%). Điều này cho thấy sinh viên Ngoài Sư phạm có xu hướng chi tiêu đa dạng và cao hơn so với Sư phạm.

* Về mức hỗ trợ tài chính từ gia đình, đa số sinh viên nhận dưới 1 triệu đồng/tháng, chiếm 197 sinh viên, trong đó Sư phạm chiếm 62,94%. Đây là mức hỗ trợ thấp, phản ánh hoàn cảnh kinh tế còn hạn chế của nhiều sinh viên Sư phạm. Nhóm nhận 1–2 triệu đồng/tháng có 167 sinh viên, trong đó Sư phạm chiếm 70,06%; nhóm 2–3 triệu đồng/tháng có 84 sinh viên, với Sư phạm chiếm 73,81%. Tuy nhiên, nhóm có mức hỗ trợ cao hơn 3 triệu đồng/tháng chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ (40 sinh viên), trong đó Ngoài Sư phạm chiếm ưu thế, đặc biệt ở mức trên 4 triệu đồng/tháng, Ngoài Sư phạm chiếm 66,67%.

Nhìn chung, phần lớn sinh viên Trường Đại học Hoa Lư có điều kiện kinh tế ở mức trung bình – khá, chi tiêu tiết kiệm và nhận được mức hỗ trợ tài

chính khiếm tốn từ gia đình. Sinh viên khối Sư phạm tập trung chủ yếu ở nhóm có mức sống ổn định nhưng tiết kiệm, còn sinh viên Ngoài Sư phạm thể hiện sự phân hóa rõ rệt hơn về điều kiện kinh tế và khả năng chi tiêu. Kết quả này là cơ sở quan trọng giúp Nhà trường xây dựng chính sách hỗ trợ tài chính, học bổng và hoạt động việc làm thêm phù hợp với từng nhóm sinh viên.

2.2.2. Thực trạng đi làm thêm của sinh viên trường đại học Hoa Lư

2.2.2.1. Tình hình và thời điểm sinh viên bắt đầu làm thêm

Bảng 2.3. Tỷ lệ sinh viên và thời điểm bắt đầu làm thêm

Tiêu chí	Số lượng (Phiếu)			Tỷ lệ (%)	
	Tổng số	Sư phạm	Ngoài SP	Sư phạm	Ngoài SP
I Tình hình làm thêm					
1. Có làm thêm	194	105	89	54.12	45.88
2. Không làm thêm	294	218	76	74.15	25.85
II. Thời điểm bắt đầu làm thêm					
1. Năm 1	99	48	51	48.48	51.52
2. Năm 2	71	39	32	54.93	45.07
3. Năm 3	16	14	2	87.50	12.50
4. Năm 4	8	5	3	62.50	37.50

(Nguồn: Số liệu nhóm tác giả khảo sát năm 2025)

Kết quả khảo sát bảng 2.3, cho thấy có 194 sinh viên đang tham gia các công việc làm thêm, chiếm một tỷ lệ đáng kể trong tổng số sinh viên được khảo sát. Trong đó, sinh viên khối Sư phạm chiếm 54,12%, còn sinh viên khối Ngoài Sư phạm chiếm 45,88%. Điều này cho thấy sinh viên Sư phạm có xu hướng tham gia làm thêm nhiều hơn một chút so với sinh viên Ngoài Sư phạm, mặc dù đặc thù ngành Sư phạm thường đòi hỏi thời gian học tập, thực hành và thực tập Sư phạm cao hơn. Ngược lại, có 294 sinh viên không tham gia làm thêm, trong đó 218 sinh viên thuộc khối Sư phạm (74,15%) và 76 sinh viên thuộc khối Ngoài Sư phạm (25,85%). Kết quả này phản ánh rằng phần lớn sinh viên Sư phạm vẫn ưu tiên dành thời gian cho học tập, đặc biệt trong những năm đầu đại học, hơn là tham gia vào các hoạt động lao động có

thu nhập. Nguyên nhân có thể xuất phát từ lịch học dày đặc, yêu cầu thực hành cao hoặc do điều kiện kinh tế gia đình tương đối ổn định, đủ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cơ bản.

* Xét về thời điểm bắt đầu làm thêm, đa số sinh viên bắt đầu công việc từ năm thứ nhất và năm thứ hai. Cụ thể, có 99 sinh viên bắt đầu làm thêm ngay từ năm nhất, trong đó 48,48% là Sinh viên và 51,52% là Ngoài Sinh viên. Điều này cho thấy việc đi làm thêm sớm là hiện tượng khá phổ biến, đặc biệt trong nhóm Ngoài Sinh viên – những người thường có lịch học linh hoạt hơn và mong muốn tăng thu nhập sớm. Ở năm thứ hai, có 71 sinh viên bắt đầu làm thêm, trong đó Sinh viên chiếm 54,93% và Ngoài Sinh viên chiếm 45,07%. Đây là giai đoạn mà nhiều sinh viên đã thích nghi với môi trường học tập và bắt đầu tìm kiếm công việc phù hợp với năng lực và quỹ thời gian của bản thân.

Đến năm thứ ba, số sinh viên bắt đầu làm thêm giảm còn 16 người, trong đó Sinh viên chiếm 87,50%, cao hơn đáng kể so với Ngoài Sinh viên (12,50%). Kết quả này phản ánh rằng sinh viên Sinh viên thường bắt đầu làm thêm muộn hơn, khi đã có sự ổn định về lịch học và kỹ năng học tập. Ở năm thứ tư, chỉ còn 8 sinh viên bắt đầu công việc làm thêm, trong đó Sinh viên chiếm 62,50% và Ngoài Sinh viên chiếm 37,50%. Điều này cho thấy ở giai đoạn cuối của chương trình học, cả hai nhóm sinh viên đều có xu hướng giảm bớt hoạt động làm thêm để tập trung cho thực tập, khóa luận tốt nghiệp hoặc chuẩn bị tìm việc chính thức sau khi ra trường.

Tổng thể, có thể nhận thấy rằng sinh viên Sinh viên có tỷ lệ tham gia làm thêm tương đối cao, song thường bắt đầu muộn hơn – chủ yếu từ năm thứ hai trở đi – do đặc thù chương trình học yêu cầu sự tập trung và thời lượng thực hành lớn. Trong khi đó, sinh viên Ngoài Sinh viên có xu hướng đi làm sớm hơn, thể hiện tính linh hoạt của ngành học hoặc nhu cầu tài chính cao hơn. Dù có sự khác biệt giữa hai nhóm ngành, kết quả khảo sát nhìn chung khẳng định rằng việc làm thêm đã trở thành một hiện tượng phổ biến trong sinh viên Trường Đại học Hoa Lư, không chỉ giúp họ tăng thu nhập, mà còn

rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, tích lũy kinh nghiệm thực tế và nâng cao khả năng thích ứng trong tương lai nghề nghiệp.

2.2.2.2. Việc làm và phương thức tìm việc làm thêm của sinh viên

Qua bảng 2.4 cho thấy có sự khác biệt rõ rệt giữa sinh viên Sư phạm và sinh viên Ngoài Sư phạm trong cả loại hình công việc làm thêm lẫn phương thức tìm việc.

Bảng 2.4. Loại công việc và phương thức tìm việc của sinh viên làm thêm

Tiêu chí	Số lượng (Phiếu)			Tỷ lệ (%)	
	Tổng số	Sư phạm	Ngoài SP	Sư phạm	Ngoài SP
I. Loại công việc					
1. Gia sư	62	61	1	98.39	1.61
2. Bán hàng/Phục vụ	87	31	56	35.63	64.37
3. Văn phòng bán thời gian	11	1	10	9.09	90.91
4. Công việc online	4	0	4	0.00	100.00
5. Khác	30	12	18	40.00	60.00
II. Phương thức tìm việc					
1. Trung tâm GT việc làm	4	1	3	25.00	75.00
2. Người thân	46	30	16	65.22	34.78
3. Bạn bè	53	36	17	67.92	32.08
4. Internet	59	24	35	40.68	59.32
5. Cách khác	32	14	18	43.75	56.25

(Nguồn: Số liệu nhóm tác giả khảo sát năm 2025)

* Về loại công việc làm thêm

- Kết quả khảo sát cho thấy, gia sư là công việc phổ biến nhất đối với sinh viên Sư phạm. Trong tổng số 62 sinh viên làm công việc này, có tới 61 sinh viên Sư phạm (chiếm 98,39%), trong khi chỉ có 1 sinh viên Ngoài Sư phạm (1,61%). Kết quả này phản ánh sự phù hợp giữa tính chất công việc và chuyên môn đào tạo của sinh viên Sư phạm. Công việc gia sư không chỉ giúp họ tăng thu nhập mà còn tạo cơ hội rèn luyện kỹ năng giảng dạy, giao tiếp và củng cố kiến thức, phù hợp với định hướng nghề nghiệp sau khi ra trường.

- Đối với công việc bán hàng hoặc phục vụ, đây là nhóm công việc thu hút đông sinh viên Ngoài Sư phạm nhất. Trong 87 sinh viên tham gia loại hình này, có 56 sinh viên Ngoài Sư phạm (64,37%) và 31 sinh viên Sư phạm (35,63%). Những công việc này có đặc điểm là không yêu cầu chuyên môn cao, thời gian linh hoạt, dễ tiếp cận và mang tính thời vụ, do đó phù hợp với sinh viên nhiều ngành học khác nhau.

- Loại công việc văn phòng bán thời gian có số lượng sinh viên tham gia ít, chỉ 11 người, trong đó 10 sinh viên Ngoài Sư phạm (90,91%) và 1 sinh viên Sư phạm (9,09%). Công việc văn phòng thường đòi hỏi kiến thức và kỹ năng liên quan đến tin học, hành chính, kế toán hoặc kinh tế – xã hội, nên sinh viên Ngoài Sư phạm có nhiều lợi thế hơn trong việc tiếp cận nhóm việc làm này.

- Đáng chú ý, nhóm công việc online tuy có quy mô nhỏ (4 sinh viên) nhưng cho thấy xu hướng mới của thị trường lao động. Toàn bộ 4 sinh viên đều thuộc nhóm Ngoài Sư phạm (100%). Điều này phản ánh khả năng thích ứng công nghệ và tính linh hoạt cao hơn của sinh viên Ngoài Sư phạm trong việc tham gia các hình thức làm việc từ xa hoặc qua nền tảng số, như cộng tác viên nội dung, bán hàng online hoặc thiết kế đồ họa.

- Nhóm công việc khác chiếm tỷ trọng khá đáng kể, với 30 sinh viên tham gia, gồm 12 sinh viên Sư phạm (40%) và 18 sinh viên Ngoài Sư phạm (60%). Đây có thể là những công việc mang tính tự do hoặc ngắn hạn như phát tờ rơi, chăm sóc trẻ em, phụ việc gia đình, làm thời vụ... Tỷ lệ cao hơn của sinh viên Ngoài Sư phạm cho thấy nhóm này có xu hướng linh hoạt và đa dạng hơn trong lựa chọn việc làm thêm, tùy thuộc vào hoàn cảnh và nhu cầu cá nhân.

* Về phương thức tìm việc làm thêm

Khi xét về cách thức tìm kiếm việc làm, có thể thấy sinh viên thuộc hai nhóm cũng có xu hướng khác nhau rõ rệt.

- Phương thức tìm việc qua trung tâm giới thiệu việc làm có tỷ lệ thấp nhất, chỉ 04 sinh viên lựa chọn, trong đó 03 sinh viên Ngoài Sư phạm (75%) và 01 sinh viên Sư phạm (25%). Điều này cho thấy sinh viên ít sử dụng các kênh

trung gian chính thức, có thể do hạn chế thông tin hoặc vì các công việc làm thêm mang tính thời vụ, không đòi hỏi thủ tục qua trung tâm giới thiệu việc làm.

- Tìm việc thông qua người thân là một kênh tương đối phổ biến, với 46 sinh viên lựa chọn, trong đó 30 sinh viên Sư phạm (65,22%) và 16 sinh viên Ngoài Sư phạm (34,78%). Kết quả này phản ánh đặc điểm của sinh viên Sư phạm thường ưu tiên sự ổn định, tin cậy và có xu hướng tìm việc qua các mối quan hệ cá nhân, đặc biệt là trong phạm vi gia đình.

- Bạn bè cũng là một kênh tìm việc quan trọng, được 53 sinh viên sử dụng, trong đó 36 sinh viên Sư phạm (67,92%) và 17 sinh viên Ngoài Sư phạm (32,08%). Việc dựa vào bạn bè để chia sẻ thông tin việc làm thể hiện sự gắn kết trong môi trường học tập của sinh viên Sư phạm, nơi các mối quan hệ học tập và xã hội có vai trò hỗ trợ lẫn nhau mạnh mẽ.

- Internet là kênh tìm việc phổ biến nhất, với 59 sinh viên lựa chọn (chiếm tỷ lệ cao nhất trong các phương thức khảo sát). Trong đó, 35 sinh viên Ngoài Sư phạm (59,32%) và 24 sinh viên Sư phạm (40,68%). Điều này cho thấy sinh viên Ngoài Sư phạm có khả năng ứng dụng công nghệ và tính chủ động cao hơn trong việc tìm kiếm, tiếp cận thông tin việc làm trực tuyến, một xu thế phù hợp với thị trường lao động hiện nay.

- Cuối cùng, phương thức “cách khác” cũng được ghi nhận với 32 sinh viên lựa chọn, trong đó 18 Ngoài Sư phạm (56,25%) và 14 Sư phạm (43,75%). Hình thức này có thể bao gồm việc tự liên hệ trực tiếp với nhà tuyển dụng, qua tờ rơi, áp phích hoặc thông tin truyền miệng. Nhóm Ngoài Sư phạm có tỷ lệ cao hơn cho thấy họ năng động và linh hoạt hơn trong việc chủ động tìm kiếm cơ hội việc làm.

Kết quả phân tích cho thấy sinh viên Sư phạm và Ngoài Sư phạm có xu hướng lựa chọn công việc và kênh tìm việc khác nhau rõ rệt. Sinh viên Sư phạm chủ yếu làm công việc gia sư, phù hợp với chuyên môn, và thường tìm việc thông qua các mối quan hệ cá nhân (người thân, bạn bè). Trong khi đó, sinh viên Ngoài Sư phạm có xu hướng tham gia các công việc đa dạng hơn như bán hàng, phục vụ, văn phòng hoặc online, đồng thời tận dụng hiệu quả

hơn các kênh tìm việc hiện đại như Internet và các hình thức tiếp cận linh hoạt khác.

Những khác biệt này phản ánh sự khác nhau về đặc điểm ngành học, kỹ năng, cũng như điều kiện và nhu cầu việc làm giữa hai nhóm sinh viên, đồng thời gợi ý cho các cơ sở giáo dục và trung tâm hỗ trợ sinh viên về hướng phát triển các chương trình việc làm thêm phù hợp, hiệu quả và thiết thực hơn.

2.2.2.2. Thời gian và thu nhập việc làm thêm của sinh viên

Bảng 2.5. Thời gian và thu nhập làm thêm của sinh viên

Tiêu chí	Số lượng (Phiếu)			Tỷ lệ (%)	
	Tổng số	Sư phạm	Ngoài SP	Sư phạm	Ngoài SP
I. Thời gian làm thêm					
1. Dưới 10 giờ	115	71	44	61.74	38.26
2. Từ 10 đến 20 giờ	39	21	18	53.85	46.15
3. Trên 20 giờ	40	14	26	35.00	65.00
II. Thu nhập làm thêm					
1. Dưới 1.000.000	32	22	10	68.75	31.25
2. Từ 1.000.000 đến 2.000.00 đ	68	43	25	63.24	36.76
3. Từ 2.000.001 đến 3.000.000 đ	53	23	30	43.40	56.60
4. Từ 3.000.001 đến 4.000.000 đ	22	10	12	45.45	54.55
5. Trên 4.000.000 đ	19	9	10	47.37	52.63

(Nguồn: Số liệu nhóm tác giả khảo sát năm 2025)

* Về thời gian làm thêm

- Dữ liệu cho thấy phần lớn sinh viên chỉ làm thêm dưới 10 giờ/tuần, với 115 người (chiếm đa số). Trong đó, sinh viên Sư phạm chiếm 61,74% và sinh viên ngoài Sư phạm chiếm 38,26%. Điều này phản ánh rằng sinh viên Sư phạm thường dành ít thời gian hơn cho công việc làm thêm, có thể do đặc thù chương trình học nhiều học phần nghiệp vụ và thực tập, khiến họ khó bố trí thời gian rảnh.

- Ở nhóm làm thêm từ 10 đến 20 giờ/tuần có 39 sinh viên, trong đó 21 sinh viên Sư phạm (53,85%) và 18 sinh viên ngoài Sư phạm (46,15%). Tỷ lệ khá cân bằng này cho thấy mức độ tham gia làm thêm trung bình được cả hai

nhóm lựa chọn, vừa giúp có thêm thu nhập, vừa không ảnh hưởng nhiều đến kết quả học tập.

- Đáng chú ý, nhóm làm thêm trên 20 giờ/tuần gồm 40 sinh viên, trong đó 14 sinh viên Sư phạm (35%) và 26 sinh viên ngoài Sư phạm (65%). Tỷ lệ sinh viên ngoài Sư phạm cao hơn đáng kể, phản ánh xu hướng họ sẵn sàng dành nhiều thời gian hơn cho công việc làm thêm có thể nhằm đáp ứng nhu cầu tài chính lớn hơn hoặc để tích lũy kinh nghiệm thực tế trong các lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành học.

*** Về thu nhập từ việc làm thêm**

- Về mức thu nhập, khảo sát chia thành 5 nhóm thu nhập khác nhau. Kết quả cho thấy, nhóm có thu nhập dưới 1.000.000 đồng/tháng gồm 32 sinh viên, trong đó có 22 sinh viên Sư phạm (68,75%) và 10 sinh viên ngoài Sư phạm (31,25%). Điều này phản ánh phần lớn sinh viên Sư phạm làm thêm ở mức độ nhẹ, chủ yếu để rèn luyện kỹ năng và trải nghiệm công việc hơn là kiếm thêm thu nhập.

- Nhóm thu nhập từ 1.000.000 đến 2.000.000 đồng/tháng chiếm tỷ lệ cao nhất với 68 sinh viên, trong đó có 43 sinh viên Sư phạm (63,24%) và 25 sinh viên ngoài Sư phạm (36,76%). Đây là mức thu nhập phổ biến, phù hợp với những công việc bán thời gian có thời lượng vừa phải.

- Ở nhóm thu nhập từ 2.000.001 đến 3.000.000 đồng/tháng có 53 sinh viên, gồm 23 sinh viên Sư phạm (43,40%) và 30 sinh viên ngoài Sư phạm (56,60%). Số liệu cho thấy khi thu nhập tăng lên, tỷ lệ sinh viên ngoài Sư phạm chiếm ưu thế hơn, có thể do họ tham gia vào các công việc mang tính thương mại hoặc yêu cầu kỹ năng cao hơn.

- Nhóm thu nhập từ 3.000.001 đến 4.000.000 đồng/tháng có 22 sinh viên, trong đó 10 sinh viên Sư phạm (45,45%) và 12 sinh viên ngoài Sư phạm (54,55%). Mức thu nhập này phản ánh sự chênh lệch nhẹ giữa hai nhóm, song xu hướng vẫn nghiêng về phía sinh viên ngoài Sư phạm.

- Cuối cùng, nhóm thu nhập trên 4.000.000 đồng/tháng gồm 19 sinh viên, trong đó 9 sinh viên Sư phạm (47,37%) và 10 sinh viên ngoài Sư phạm

(52,63%). Đây là nhóm có tỷ lệ thấp nhất, cho thấy chỉ một bộ phận nhỏ sinh viên có thể đạt mức thu nhập cao, chủ yếu là những người làm việc trong các công việc có tính thương mại hoặc dựa trên doanh số.

Tổng kết, kết quả khảo sát cho thấy sinh viên Sư phạm thường chọn công việc làm thêm có thời gian và thu nhập vừa phải, phù hợp với đặc thù nghề nghiệp và lịch học. Trong khi đó, sinh viên ngoài Sư phạm lại có xu hướng dành nhiều thời gian hơn cho công việc, qua đó đạt mức thu nhập cao hơn. Điều này phản ánh sự khác biệt trong nhu cầu, mục tiêu và khả năng tham gia thị trường lao động giữa hai nhóm sinh viên.

2.2.2.3. Lý do và mối liên hệ giữa việc làm thêm với ngành học

Bảng 2.6. Lý do, mối liên hệ giữa ngành học với việc làm thêm của sinh viên

Tiêu chí	Số lượng (Phiếu)			Tỷ lệ (%)	
	Tổng số	Sư phạm	Ngoài SP	Sư phạm	Ngoài SP
I. Lý do của việc làm thêm					
1. Trang trải chi phí	73	37	36	50.68	49.32
2. Tích lũy kinh nghiệm	66	42	24	63.64	36.36
3. Phát triển kỹ năng	33	19	14	57.58	42.42
4. Khác	22	7	15	31.82	68.18
II. Mối liên hệ giữa việc làm thêm với ngành học					
1. Có	106	67	39	63.21	36.79
2. Không	88	39	49	44.32	55.68

(Nguồn: Số liệu nhóm tác giả khảo sát năm 2025)

* Về lý do của việc làm thêm

- Kết quả khảo sát cho thấy các lý do chính khiến sinh viên tham gia làm thêm bao gồm: trang trải chi phí, tích lũy kinh nghiệm, phát triển kỹ năng, và các lý do khác. Dữ liệu cho thấy có sự khác biệt đáng kể về động cơ làm thêm giữa sinh viên Sư phạm và sinh viên ngoài Sư phạm.

- Cụ thể, trang trải chi phí là lý do phổ biến nhất với 73 sinh viên (chiếm đa số trong tổng mẫu). Trong đó, 37 sinh viên Sư phạm (50,68%) và 36 sinh viên ngoài Sư phạm (49,32%) lựa chọn. Tỷ lệ khá cân bằng cho thấy

cả hai nhóm đều xem đây là nhu cầu thiết yếu, phản ánh thực tế rằng làm thêm là một biện pháp hỗ trợ tài chính quan trọng cho sinh viên trong giai đoạn học tập.

- Đối với lý do tích lũy kinh nghiệm, có 66 sinh viên lựa chọn, trong đó 42 sinh viên Sư phạm (63,64%) và 24 sinh viên ngoài Sư phạm (36,36%). Đây là nhóm lý do có sự chênh lệch rõ rệt nhất, thể hiện rằng sinh viên Sư phạm thường coi việc làm thêm như một cơ hội học hỏi, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, đặc biệt là các công việc có liên quan đến giảng dạy hoặc hỗ trợ học tập. Điều này phản ánh định hướng nghề nghiệp sớm và mong muốn tích lũy kinh nghiệm thực tiễn của sinh viên khối này.

- Lý do phát triển kỹ năng được 33 sinh viên lựa chọn, trong đó có 19 sinh viên Sư phạm (57,58%) và 14 sinh viên ngoài Sư phạm (42,42%). Tỷ lệ này cho thấy cả hai nhóm đều coi trọng việc nâng cao kỹ năng mềm, khả năng giao tiếp, tổ chức công việc và thích nghi với môi trường làm việc thực tế.

- Nhóm lý do khác được 22 sinh viên nêu ra, trong đó 7 sinh viên Sư phạm (31,82%) và 15 sinh viên ngoài Sư phạm (68,18%). Điều này cho thấy nhóm ngoài Sư phạm có hệ động cơ đa dạng hơn, có thể bao gồm mong muốn khám phá các lĩnh vực mới, tận dụng thời gian rảnh, hoặc tìm kiếm cơ hội thu nhập ngắn hạn, theo mùa.

Nhìn chung, sinh viên Sư phạm tập trung vào các mục tiêu mang tính học tập và nghề nghiệp dài hạn như tích lũy kinh nghiệm và phát triển kỹ năng, trong khi sinh viên ngoài Sư phạm có xu hướng chú trọng hơn đến yếu tố tài chính và sự linh hoạt của công việc. Điều này phản ánh sự khác biệt về định hướng nghề nghiệp và đặc thù đào tạo giữa hai nhóm sinh viên.

* Về mối liên hệ giữa việc làm thêm và ngành học

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn sinh viên cho rằng công việc làm thêm của họ có liên quan đến ngành học, với 106 sinh viên (chiếm 54,65%), trong đó 67 sinh viên Sư phạm (63,21%) và 39 sinh viên ngoài Sư phạm (36,79%). Điều này phản ánh thực tế rằng sinh viên Sư phạm thường tham gia vào các công việc như gia sư, trợ giảng, hỗ trợ học tập, vốn có tính ứng dụng trực tiếp với chuyên

môn đào tạo. Các công việc này không chỉ giúp tăng thu nhập mà còn tạo cơ hội rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp Sư phạm trong thực tế.

Ngược lại, có 88 sinh viên (45,35%) cho rằng công việc làm thêm không liên quan đến ngành học, trong đó 39 sinh viên Sư phạm (44,32%) và 49 sinh viên ngoài Sư phạm (55,68%). Điều này cho thấy nhóm ngoài Sư phạm thường làm thêm trong các lĩnh vực dịch vụ, bán hàng, marketing, hoặc công việc thời vụ, những công việc tuy giúp cải thiện thu nhập nhưng ít liên hệ với chuyên ngành đào tạo.

Tổng thể, mức độ liên hệ giữa việc làm thêm và chuyên ngành học của sinh viên Sư phạm cao hơn rõ rệt, thể hiện định hướng nghề nghiệp rõ ràng và khả năng tận dụng cơ hội học tập thực hành ngay trong quá trình học. Ngược lại, sinh viên ngoài Sư phạm tham gia thị trường lao động làm thêm chủ yếu nhằm mục tiêu kinh tế, ít gắn với định hướng nghề nghiệp dài hạn.

Kết quả khảo sát phản ánh hai xu hướng khác biệt: sinh viên Sư phạm hướng tới việc làm thêm mang tính trải nghiệm nghề nghiệp và củng cố chuyên môn, trong khi sinh viên ngoài Sư phạm có xu hướng làm thêm để đáp ứng nhu cầu tài chính và mở rộng trải nghiệm xã hội. sự khác biệt này phù hợp với đặc thù ngành học và mục tiêu phát triển nghề nghiệp của từng nhóm sinh viên.

2.2.2.4. Mức độ hài lòng của sinh viên đi làm thêm

Bảng 2.7. Mức độ hài lòng của sinh viên khi làm thêm

Tiêu chí	Số lượng (Phiếu)			Tỷ lệ (%)	
	Tổng số	Sư phạm	Ngoài SP	Sư phạm	Ngoài SP
1. Rất không hài lòng	13	7	6	53.85	46.15
2. Không hài lòng	7	3	4	42.86	57.14
3. Bình thường	94	45	49	47.87	52.13
4. Hài lòng	58	31	27	53.45	46.55
5. Rất hài lòng	22	19	3	86.36	13.64

(Nguồn: Số liệu nhóm tác giả khảo sát năm 2025)

Bảng số liệu 2.7 trên phản ánh mức độ hài lòng của sinh viên Trường Đại học Hoa Lư đối với công việc làm thêm, được chia theo hai nhóm: sinh viên khối Sư phạm và sinh viên khối Ngoài Sư phạm. Nhìn chung, kết quả cho thấy phần lớn sinh viên có mức độ hài lòng từ trung bình đến cao, trong khi tỷ lệ sinh viên không hài lòng hoặc rất không hài lòng chiếm tỷ lệ thấp.

Cụ thể, nhóm “rất không hài lòng” có 13 sinh viên (chiếm tỷ lệ nhỏ nhất trong tổng thể), trong đó sinh viên Sư phạm chiếm 53,85% và sinh viên Ngoài Sư phạm chiếm 46,15%. Điều này cho thấy vẫn tồn tại một bộ phận nhỏ sinh viên, đặc biệt là trong nhóm Sư phạm, cảm thấy không phù hợp hoặc chưa hài lòng với công việc làm thêm, có thể do công việc không liên quan đến chuyên ngành, khối lượng công việc cao hoặc môi trường làm việc thiếu ổn định.

Nhóm “không hài lòng” có 7 sinh viên, trong đó nhóm Ngoài Sư phạm chiếm 57,14%, cao hơn so với nhóm Sư phạm (42,86%). Điều này cho thấy một số sinh viên Ngoài Sư phạm có thể gặp khó khăn trong việc cân bằng giữa học tập và công việc, hoặc gặp trở ngại về tính chất công việc (ví dụ như cường độ lao động cao, thu nhập không tương xứng hoặc thiếu sự hỗ trợ chuyên môn).

Đáng chú ý, nhóm “bình thường” chiếm tỷ lệ cao nhất với 94 sinh viên, bao gồm 45 sinh viên Sư phạm (47,87%) và 49 sinh viên Ngoài Sư phạm (52,13%). Kết quả này phản ánh rằng phần lớn sinh viên xem việc làm thêm như một hoạt động mang tính tạm thời, nhằm đáp ứng nhu cầu tài chính, tích lũy kinh nghiệm hoặc duy trì sự độc lập kinh tế, chứ chưa coi đây là công việc mang lại sự hài lòng cao.

Nhóm “hài lòng” gồm 58 sinh viên, trong đó sinh viên Sư phạm chiếm 53,45%, cao hơn đôi chút so với sinh viên Ngoài Sư phạm (46,55%). Đây là tín hiệu tích cực, cho thấy nhiều sinh viên nhận thấy việc làm thêm đem lại giá trị thực tiễn nhất định – như cải thiện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tổ chức, và khả năng thích ứng trong môi trường lao động.

Đáng chú ý nhất là nhóm “rất hài lòng”, với 22 sinh viên, trong đó 86,36% là sinh viên Sư phạm và chỉ 13,64% là sinh viên Ngoài Sư phạm. Sự chênh lệch lớn này cho thấy sinh viên Sư phạm có xu hướng đạt mức độ hài lòng cao hơn đáng kể, có thể do họ tìm được những công việc phù hợp với chuyên ngành, chẳng hạn như gia sư, trợ giảng, hỗ trợ học tập, giúp họ vừa có thu nhập, vừa củng cố kỹ năng nghề nghiệp.

Tổng thể, kết quả cho thấy mức độ hài lòng chung của sinh viên Trường Đại học Hoa Lư đối với công việc làm thêm ở mức tích cực, đặc biệt là trong nhóm Sư phạm. Sự khác biệt giữa hai nhóm ngành phản ánh đặc thù đào tạo và định hướng nghề nghiệp khác nhau: sinh viên Sư phạm thường tìm kiếm công việc liên quan đến chuyên môn, trong khi sinh viên Ngoài Sư phạm có xu hướng lựa chọn công việc mang tính linh hoạt hoặc thời vụ.

Vì vậy, nhà trường và các tổ chức hỗ trợ sinh viên cần tăng cường kết nối giữa chương trình đào tạo và cơ hội việc làm thực tế, đặc biệt đối với nhóm Ngoài Sư phạm, nhằm giúp sinh viên có thêm nhiều lựa chọn công việc phù hợp với chuyên ngành, nâng cao mức độ hài lòng và hiệu quả học tập – nghề nghiệp trong tương lai.

2.3. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng của việc làm thêm của sinh viên trường đại học Hoa Lư

2.3.1. Ảnh hưởng của việc làm thêm đối với hoạt động học tập của sinh viên

Bảng số liệu 2.8 phản ánh thái độ của sinh viên Trường Đại học Hoa Lư đối với công việc làm thêm, được chia thành bốn mức độ: rất tích cực, tích cực, bình thường và tiêu cực; đồng thời so sánh giữa hai nhóm sinh viên khối Sư phạm và khối Ngoài Sư phạm.

Kết quả khảo sát cho thấy đa số sinh viên Trường Đại học Hoa Lư có thái độ tích cực hoặc trung lập đối với công việc làm thêm, trong khi tỷ lệ có thái độ tiêu cực chiếm tỷ lệ nhỏ. Điều này phản ánh rằng phần lớn sinh viên nhận thấy việc làm thêm có những lợi ích nhất định, dù mức độ hài lòng và gắn kết với công việc vẫn còn khác nhau giữa hai khối ngành.

Cụ thể, nhóm “rất tích cực” có 16 sinh viên, trong đó sinh viên khối Sư phạm chiếm 56,25%, cao hơn so với sinh viên khối Ngoài Sư phạm (43,75%). Dù chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng số, nhưng kết quả này cho thấy một bộ phận sinh viên, đặc biệt là nhóm Sư phạm, có thái độ rất chủ động và lạc quan trong công việc làm thêm. Họ có thể là những sinh viên đã tìm được công việc phù hợp với chuyên ngành hoặc nhận thấy việc làm thêm giúp củng cố kỹ năng nghề nghiệp như giao tiếp, tổ chức lớp học hoặc hướng dẫn học sinh.

Nhóm “tích cực” gồm 90 sinh viên, trong đó sinh viên Sư phạm chiếm 71,11%, cao hơn đáng kể so với nhóm Ngoài Sư phạm (28,89%). Đây là nhóm chiếm tỷ lệ tương đối cao và là tín hiệu cho thấy sinh viên Sư phạm có nhận thức tích cực về vai trò của việc làm thêm. Nhiều sinh viên Sư phạm có thể tham gia các công việc như gia sư, trợ giảng, hỗ trợ hoạt động giáo dục hoặc cộng đồng, qua đó tích lũy kinh nghiệm thực tế, rèn luyện kỹ năng Sư phạm, đồng thời cải thiện thu nhập.

Bảng 2.8. Ảnh hưởng đến học tập của việc sinh viên làm thêm

Tiêu chí	Số lượng (Phiếu)			Tỷ lệ (%)	
	Tổng số	Sư phạm	Ngoài SP	Sư phạm	Ngoài SP
1. Rất tích cực	16	9	7	56.25	43.75
2. Tích cực	90	64	26	71.11	28.89
3. Bình thường	353	230	123	65.16	34.84
4. Tiêu cực	24	15	9	62.50	37.50
5. Rất tiêu cực	5	2	3	40.00	60.00

(Nguồn: Số liệu nhóm tác giả khảo sát năm 2025)

Nhóm “bình thường” có số lượng lớn nhất, với 353 sinh viên, chiếm đa số trong mẫu khảo sát. Trong đó, sinh viên Sư phạm chiếm 65,16% và Ngoài Sư phạm chiếm 34,84%. Kết quả này cho thấy nhiều sinh viên coi việc làm thêm là hoạt động mang tính bổ trợ, không ảnh hưởng nhiều đến học tập nhưng cũng không phải là yếu tố chính trong quá trình phát triển cá nhân. Đối với họ, việc làm thêm có thể chỉ là phương tiện giúp đáp ứng nhu cầu tài chính, mở rộng quan hệ xã hội hoặc tích lũy kinh nghiệm xã hội cơ bản.

Nhóm “tiêu cực” gồm 24 sinh viên, trong đó sinh viên Sư phạm chiếm 62,50%, và Ngoài Sư phạm chiếm 37,50%. Tỷ lệ này không cao, song vẫn phản ánh rằng một bộ phận nhỏ sinh viên gặp khó khăn hoặc có trải nghiệm chưa tốt khi làm thêm. Nguyên nhân có thể đến từ việc khối lượng công việc vượt quá khả năng, thu nhập không tương xứng, hoặc môi trường làm việc thiếu ổn định và ít cơ hội phát triển.

Nhóm “rất tiêu cực” chỉ có 5 sinh viên, trong đó nhóm Ngoài Sư phạm chiếm tỷ lệ cao hơn (60%) so với nhóm Sư phạm (40%). Mặc dù đây là tỷ lệ rất nhỏ, nhưng cũng cho thấy một số sinh viên Ngoài Sư phạm có thể gặp trở ngại trong việc tìm kiếm công việc phù hợp với năng lực hoặc bị ảnh hưởng tiêu cực đến việc học do làm thêm quá sức.

Tổng thể, kết quả cho thấy sinh viên Trường Đại học Hoa Lư có xu hướng nhìn nhận công việc làm thêm theo hướng tích cực. Đặc biệt, sinh viên khối Sư phạm có mức độ tích cực cao hơn, thể hiện sự chủ động trong việc tìm kiếm cơ hội rèn luyện nghề nghiệp và phát triển kỹ năng. Trong khi đó, nhóm Ngoài Sư phạm thể hiện thái độ đa dạng hơn, có thể do tính chất ngành học và thị trường việc làm phù hợp chưa cao.

Từ kết quả này, nhà trường cần đẩy mạnh công tác tư vấn và hỗ trợ việc làm thêm cho sinh viên, nhất là trong khối Ngoài Sư phạm, nhằm giúp họ tiếp cận các công việc có liên quan đến chuyên ngành, đảm bảo tính ổn định và phát triển kỹ năng nghề nghiệp. Đồng thời, cần lồng ghép hoạt động hướng nghiệp, kỹ năng mềm và quản lý thời gian vào chương trình đào tạo, giúp sinh viên vừa làm thêm hiệu quả, vừa duy trì thành tích học tập tốt.

2.3.2. Ảnh hưởng của việc làm thêm đối với hoạt động sinh hoạt của sinh viên

Bảng 2.9 trên phản ánh những khó khăn chủ yếu mà sinh viên Trường Đại học Hoa Lư gặp phải trong quá trình tham gia làm thêm. Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn sinh viên đều gặp ít nhất một khó khăn nhất định, tuy nhiên mức độ ảnh hưởng có sự khác biệt giữa hai nhóm sinh viên Sư phạm và Ngoài Sư phạm.

Cụ thể, khó khăn phổ biến nhất là “Khó sắp xếp lịch”, với 164 sinh viên phản hồi (chiếm tỷ lệ cao nhất trong các tiêu chí). Trong đó, 69,51% là sinh viên Sư phạm, cao hơn đáng kể so với 30,49% sinh viên Ngoài Sư phạm. Kết quả này phản ánh đặc thù lịch học của sinh viên Sư phạm thường kín, tập trung vào các môn nghiệp vụ, thực hành giảng dạy và kiến tập – khiến việc bố trí thời gian đi làm thêm trở nên khó khăn. Ngoài ra, nhiều công việc làm thêm có thời gian cố định (như dạy thêm hoặc phục vụ bán thời gian), càng làm tăng áp lực trong việc cân đối giữa học tập và làm việc.

Bảng 2.9. Khó khăn gặp phải khi sinh viên làm thêm

Tiêu chí	Số lượng (Phiếu)			Tỷ lệ (%)	
	Tổng số	Sư phạm	Ngoài SP	Sư phạm	Ngoài SP
1. Thiếu thời gian	49	31	18	63.27	36.73
2. Mệt mỏi, sức khỏe giảm	105	65	40	61.90	38.10
3. Khó sắp xếp lịch	164	114	50	69.51	30.49
4. Khác	170	113	57	66.47	33.53

(Nguồn: Số liệu nhóm tác giả khảo sát năm 2025)

Khó khăn thứ hai được ghi nhận là “Khác”, với 170 sinh viên phản hồi, trong đó sinh viên Sư phạm chiếm 66,47% và Ngoài Sư phạm chiếm 33,53%. Các khó khăn này có thể bao gồm áp lực từ gia đình, xung đột giữa công việc và học tập, mâu thuẫn trong môi trường làm việc hoặc thiếu kỹ năng chuyên môn. Đây là những yếu tố tiềm ẩn ảnh hưởng đến động lực và hiệu quả học tập của sinh viên.

Tiếp đến là khó khăn “Mệt mỏi, sức khỏe giảm”, với 105 sinh viên gặp phải (chiếm tỷ lệ tương đối cao). Trong đó, sinh viên Sư phạm chiếm 61,90%, còn Ngoài Sư phạm chiếm 38,10%. Việc vừa học vừa làm khiến sinh viên dễ rơi vào tình trạng quá tải, thiếu nghỉ ngơi, ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất và tinh thần. Đặc biệt, sinh viên Sư phạm phải tham gia nhiều hoạt động rèn luyện nghiệp vụ, kiến tập hoặc thực tập Sư phạm, nên áp lực này càng gia tăng.

Khó khăn “Thiếu thời gian” cũng được 49 sinh viên phản ánh, trong đó sinh viên Sư phạm chiếm 63,27%, cao hơn nhóm Ngoài Sư phạm (36,73%). Vấn đề thiếu thời gian không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả học tập mà còn làm giảm chất lượng công việc làm thêm, khiến sinh viên khó đạt được cân bằng giữa hai hoạt động.

Tổng thể, kết quả cho thấy nhóm sinh viên Sư phạm gặp nhiều khó khăn hơn so với nhóm Ngoài Sư phạm trong quá trình tham gia làm thêm. Nguyên nhân có thể xuất phát từ đặc thù chương trình đào tạo với mật độ học tập cao, yêu cầu thực hành nghề nghiệp nghiêm ngặt, và kỹ năng quản lý thời gian còn hạn chế. Trong khi đó, sinh viên Ngoài Sư phạm thường có cơ hội lựa chọn công việc linh hoạt hơn, ít chịu ràng buộc về lịch học và thời gian.

Từ thực tế này, nhà trường nên tăng cường hỗ trợ sinh viên trong việc cân đối giữa học tập và làm thêm, thông qua việc tư vấn, hướng dẫn kỹ năng quản lý thời gian, lựa chọn công việc phù hợp với chuyên ngành, cũng như tổ chức các hoạt động ngoại khóa giúp sinh viên nâng cao sức khỏe và khả năng thích ứng.

2.3.3. Các nhân tố cân bằng giữa việc học và làm thêm

Bảng 2.10. Biện pháp cân bằng của sinh viên làm thêm

Tiêu chí	Số lượng (Phiếu)			Tỷ lệ (%)	
	Tổng số	Sư phạm	Ngoài SP	Sư phạm	Ngoài SP
1. Lập thời gian biểu cụ thể	194	136	58	70.10	29.90
2. Sắp xếp ưu tiên	70	43	27	61.43	38.57
3. Giới hạn giờ làm	48	33	15	68.75	31.25
4. Tận dụng thời gian rảnh	36	28	8	77.78	22.22
5. Trao đổi GV/NSD	11	9	2	81.82	18.18
6. Rèn luyện sức khỏe	46	26	20	56.52	43.48
7. Khác	89	54	35	60.67	39.33

(Nguồn: Số liệu nhóm tác giả khảo sát năm 2025)

Bảng 2.10 phản ánh các biện pháp mà sinh viên áp dụng nhằm cân bằng giữa việc học tập và công việc làm thêm. Kết quả cho thấy đa số sinh viên có ý thức chủ động trong việc quản lý thời gian và sức khỏe để duy trì hiệu quả học tập.

Biện pháp được lựa chọn nhiều nhất là “Lập thời gian biểu cụ thể” với 194 sinh viên, trong đó 70,10% là sinh viên Sư phạm và 29,90% là sinh viên Ngoài Sư phạm. Điều này cho thấy sinh viên Sư phạm có xu hướng quản lý thời gian chặt chẽ và khoa học hơn, phù hợp với yêu cầu đặc thù của ngành học.

Tiếp theo là biện pháp “Sắp xếp ưu tiên”, được 70 sinh viên áp dụng, trong đó 61,43% thuộc nhóm Sư phạm và 38,57% Ngoài Sư phạm. Việc xác định thứ tự ưu tiên giữa học tập và làm thêm giúp sinh viên chủ động hơn trong phân bổ thời gian, tránh tình trạng quá tải.

Biện pháp “Giới hạn giờ làm” được 48 sinh viên lựa chọn, với 68,75% là Sư phạm và 31,25% Ngoài Sư phạm. Trong khi đó, “Tận dụng thời gian rảnh” có 36 sinh viên áp dụng, tỷ lệ sinh viên Sư phạm đạt 77,78%, cao hơn nhiều so với Ngoài Sư phạm (22,22%). Điều này phản ánh khả năng tự điều chỉnh và kỷ luật của nhóm sinh viên Sư phạm cao hơn rõ rệt.

Một biện pháp khác là “Trao đổi với giảng viên hoặc người sử dụng lao động”, tuy chỉ có 11 sinh viên thực hiện nhưng lại cho thấy 81,82% là sinh viên Sư phạm, thể hiện tính chủ động trong việc tìm kiếm sự hỗ trợ để cân bằng giữa học và làm.

Ngoài ra, 46 sinh viên cho biết họ “Rèn luyện sức khỏe” nhằm đảm bảo thể lực cho việc học và làm thêm, trong đó 56,52% là Sư phạm và 43,48% Ngoài Sư phạm – một tỷ lệ tương đối cân đối, cho thấy cả hai nhóm đều nhận thức được tầm quan trọng của sức khỏe.

Cuối cùng, nhóm “Khác” gồm 89 sinh viên, trong đó 60,67% là Sư phạm và 39,33% Ngoài Sư phạm, thể hiện sự đa dạng trong các cách thức cân bằng như nghỉ ngơi hợp lý, chia sẻ công việc hoặc điều chỉnh lịch trình cá nhân.

Nhìn chung, kết quả bảng cho thấy sinh viên Sư phạm có xu hướng chủ động, kỷ luật và có kế hoạch rõ ràng hơn trong việc sắp xếp thời gian học và làm thêm, trong khi sinh viên Ngoài Sư phạm thể hiện sự linh hoạt và đa dạng hơn trong cách thức thích ứng với công việc và học tập.

2.3.4. Những mong muốn của sinh viên làm thêm đối với nhà trường

Bảng 2.11 phản ánh những nguyện vọng mà sinh viên đang làm thêm mong muốn nhà trường hỗ trợ, nhằm giúp họ cân bằng tốt hơn giữa học tập và công việc.

Kết quả khảo sát cho thấy nguyện vọng phổ biến nhất là “Cung cấp thông tin việc làm” với 179 sinh viên, chiếm tỷ lệ cao nhất trong các biện pháp. Trong đó, 69,83% là sinh viên Sư phạm và 30,17% là sinh viên Ngoài Sư phạm. Điều này cho thấy đa số sinh viên, đặc biệt là nhóm Sư phạm, mong muốn nhà trường đóng vai trò cầu nối giữa sinh viên với các doanh nghiệp và trung tâm giới thiệu việc làm, giúp họ tiếp cận được nguồn thông tin đáng tin cậy và lựa chọn công việc phù hợp với chuyên môn, thời gian học tập.

Bảng 2.11. Nguyện vọng của Sinh viên làm thêm đối với nhà trường

Tiêu chí	Số lượng (Phiếu)			Tỷ lệ (%)	
	Tổng số	Sư phạm	Ngoài SP	Sư phạm	Ngoài SP
1. Cung cấp thông tin việc làm	179	125	54	69.83	30.17
2. Tư vấn quản lý thời gian	46	28	18	60.87	39.13
3. Tổ chức chia sẻ kinh nghiệm	88	59	29	67.05	32.95
4. Khác	175	111	64	63.43	36.57

(Nguồn: Số liệu nhóm tác giả khảo sát năm 2025)

Biện pháp “Tư vấn quản lý thời gian” được 46 sinh viên lựa chọn, trong đó 60,87% là sinh viên Sư phạm và 39,13% là Ngoài Sư phạm. Kết quả này phản ánh nhu cầu được hỗ trợ kỹ năng mềm, đặc biệt là kỹ năng quản lý thời gian – yếu tố then chốt giúp sinh viên cân bằng giữa việc học và công việc làm thêm.

Tiếp theo là biện pháp “Tổ chức chia sẻ kinh nghiệm”, được 88 sinh viên mong muốn triển khai. Trong đó, 67,05% thuộc nhóm Sư phạm và 32,95% Ngoài Sư phạm. Điều này cho thấy sinh viên đánh giá cao các hoạt

động giao lưu, tọa đàm hoặc diễn đàn chia sẻ kinh nghiệm từ những người đi trước, như sinh viên khóa trên hoặc cựu sinh viên có kinh nghiệm làm thêm. Những hoạt động này giúp người học có định hướng nghề nghiệp rõ ràng hơn và tránh được rủi ro trong quá trình đi làm.

Nhóm “Khác” được 175 sinh viên đề cập, trong đó 63,43% là sinh viên Sư phạm và 36,57% Ngoài Sư phạm. Qua phỏng vấn bổ sung, các nguyện vọng trong nhóm này chủ yếu xoay quanh các nội dung như:

- Mong muốn nhà trường sắp xếp thời khóa biểu linh hoạt hơn để thuận tiện cho sinh viên đi làm thêm.
- Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp nhằm mở rộng cơ hội thực tập và việc làm bán thời gian phù hợp với chuyên ngành.
- Tổ chức các khóa học kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm để hỗ trợ sinh viên phát triển toàn diện.
- Thiết lập kênh tư vấn tâm lý và hướng nghiệp dành cho sinh viên gặp áp lực trong quá trình vừa học vừa làm.
- Tổng thể, kết quả cho thấy sinh viên không chỉ mong đợi sự hỗ trợ về thông tin việc làm, mà còn kỳ vọng nhà trường đồng hành trong việc phát triển kỹ năng, tạo điều kiện học tập linh hoạt và xây dựng môi trường hỗ trợ toàn diện giúp họ cân bằng hiệu quả giữa học tập và công việc.

Chương 3 - MỘT SỐ GIẢI PHÁP CÂN BẰNG GIỮA HỌC TẬP VÀ LÀM THÊM CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

3.1. Đánh giá thực trạng của việc làm thêm đối với sinh viên

3.1.1. Ưu điểm

Qua kết quả khảo sát ở Chương 2 và các ý kiến đề xuất bổ sung của sinh viên, có thể thấy hoạt động làm thêm tại Trường Đại học Hoa Lư mang lại nhiều mặt tích cực:

- Đa dạng công việc và cơ hội trải nghiệm: Sinh viên có thể lựa chọn nhiều loại hình công việc khác nhau như gia sư, bán hàng, phục vụ, telesale ngân hàng, làm việc online hoặc công việc bán thời gian tại doanh nghiệp. Sự đa dạng này giúp sinh viên linh hoạt lựa chọn công việc phù hợp với thời gian học tập và năng lực bản thân.

- Có sự quan tâm và hỗ trợ bước đầu từ nhà trường: Nhiều sinh viên cho biết nhà trường đã bắt đầu chia sẻ thông tin việc làm uy tín trên trang thông tin điện tử, đồng thời một số giảng viên, cố vấn học tập cũng hỗ trợ giới thiệu việc làm bán thời gian phù hợp. Đây là tín hiệu tích cực cho thấy nhà trường đã có sự quan tâm thực chất hơn đến nhu cầu của sinh viên.

- Tăng tính chủ động và tinh thần tự lập: Sinh viên chủ động tìm kiếm và đảm nhận công việc nhằm trang trải chi phí học tập, nâng cao kinh nghiệm và phát triển kỹ năng cá nhân.

- Phát triển kỹ năng mềm và khả năng giao tiếp xã hội: Việc làm thêm giúp sinh viên nâng cao khả năng giao tiếp, ứng xử, làm việc nhóm, đồng thời tăng khả năng thích ứng trong môi trường lao động. Nhiều sinh viên khẳng định việc làm thêm mang lại nhiều kinh nghiệm quý trong cuộc sống.

- Cải thiện thu nhập và giảm gánh nặng tài chính: Nhiều sinh viên đến từ gia đình có điều kiện trung bình hoặc khó khăn đã có thể chủ động chi tiêu nhờ nguồn thu nhập từ công việc bán thời gian.

- Cơ hội làm thêm gắn với chuyên ngành: Một số sinh viên ngành Sư phạm và Kinh tế đã có cơ hội làm thêm phù hợp với ngành học, như dạy kèm,

kế toán thực hành, hoặc telesale ngân hàng – giúp họ rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp thực tế.

3.1.2. Tồn tại và nguyên nhân

3.1.2.1. Tồn tại

Bên cạnh các ưu điểm, hoạt động làm thêm của sinh viên vẫn còn tồn tại một số hạn chế, phản ánh qua ý kiến khảo sát và chia sẻ của sinh viên:

- Thông tin việc làm còn hạn chế: Dù nhà trường đã bắt đầu chia sẻ thông tin việc làm uy tín, song tần suất và phạm vi còn hẹp. Nhiều sinh viên vẫn phải tự tìm việc qua mạng xã hội hoặc người quen, tiềm ẩn nguy cơ lừa đảo hoặc điều kiện làm việc không đảm bảo.

- Chưa có sự hỗ trợ toàn diện từ nhà trường: Sinh viên mong muốn có thêm các chương trình giới thiệu việc làm chính thức, tổ chức hội chợ việc làm, hoặc kết nối trực tiếp với doanh nghiệp. Ngoài ra, sinh viên đề nghị trường cần linh hoạt hơn trong quy định về thời gian đóng mở cửa ký túc xá để thuận tiện cho người đi làm thêm.

- Chưa có nhiều việc làm đúng chuyên ngành: Đặc biệt với nhóm ngành Công nghệ thông tin, sinh viên cho rằng vẫn thiếu cơ hội việc làm thêm phù hợp để rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp thực tế.

- Khó khăn trong cân bằng giữa học và làm: Nhiều sinh viên cho rằng việc làm thêm giúp họ học được kỹ năng sống, nhưng nếu không quản lý tốt thời gian sẽ khiến kết quả học tập bị ảnh hưởng.

- Thiếu hướng dẫn kỹ năng xin việc: Một số sinh viên chưa biết cách viết CV, phỏng vấn hoặc thương lượng với nhà tuyển dụng, dẫn đến khó tiếp cận công việc phù hợp hoặc gặp rủi ro trong quá trình làm việc.

3.1.2.2. Nguyên nhân

Từ kết quả khảo sát và đề xuất của sinh viên, có thể xác định các nguyên nhân chính sau:

Nguyên nhân chủ quan:

- Sinh viên thiếu kỹ năng quản lý thời gian, chưa biết cách sắp xếp hợp lý giữa học tập và làm việc, dẫn đến mệt mỏi, học sa sút.

- Nhiều sinh viên đặt mục tiêu kiếm tiền ngắn hạn, chưa định hướng rõ ràng công việc gắn với chuyên ngành.

- Một bộ phận sinh viên chưa có kỹ năng nghề nghiệp hoặc chưa được đào tạo về cách xin việc, viết CV, phỏng vấn, nên thường chấp nhận công việc thời vụ, thu nhập thấp.

- Việc chia sẻ kinh nghiệm giữa sinh viên còn hạn chế, chưa có diễn đàn chung để học hỏi lẫn nhau về kinh nghiệm làm thêm hiệu quả.

Nguyên nhân khách quan:

- Nhà trường chưa có cơ chế chuyên biệt để kết nối doanh nghiệp và sinh viên, hoặc hệ thống thông tin việc làm bán thời gian chính thức.

- Cơ sở hạ tầng hỗ trợ sinh viên làm thêm, như thời gian ra vào ký túc xá, chưa thật sự linh hoạt.

- Các doanh nghiệp địa phương còn ít có chính sách tuyển sinh viên làm thêm đúng chuyên ngành, đặc biệt ở các lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ.

- Cơ quan quản lý lao động chưa có biện pháp mạnh trong việc kiểm tra, quản lý các trung tâm giới thiệu việc làm, dẫn đến rủi ro cho sinh viên khi tìm việc qua các kênh phi chính thống.

Tóm lại, việc làm thêm của sinh viên Trường Đại học Hoa Lư mang lại nhiều giá trị tích cực nhưng vẫn cần được tổ chức và định hướng tốt hơn. Sinh viên mong muốn nhà trường có sự gắn kết chặt chẽ hơn với doanh nghiệp, mở rộng kênh thông tin việc làm uy tín và linh hoạt hơn trong chính sách hỗ trợ, từ đó giúp các em vừa học tốt vừa làm hiệu quả, phát triển đúng hướng nghề nghiệp tương lai.

3.2. Giải pháp cân bằng giữa việc học tập và việc làm thêm của sinh viên trường Đại Học Hoa Lư

3.2.1. Giải pháp chung

Căn cứ vào chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo của Trường Đại học Hoa Lư giai đoạn 2025–2030, nhà trường hướng đến mục tiêu phát triển toàn diện cho sinh viên, không chỉ về tri thức chuyên môn mà còn ở kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất đạo đức và khả năng thích ứng với thị trường lao động.

Trong bối cảnh đó, việc làm thêm cần được định hướng trở thành hoạt động hỗ trợ học tập, góp phần nâng cao năng lực nghề nghiệp và kỹ năng sống cho sinh viên.

Hoạt động làm thêm của sinh viên nên được xem như một phần của quá trình đào tạo trải nghiệm thực tế. Nhà trường cần xây dựng hệ thống liên kết giữa các doanh nghiệp, tổ chức địa phương và sinh viên, hình thành “mạng lưới việc làm bán thời gian” phù hợp với ngành học. Đồng thời, tăng cường công tác tư vấn nghề nghiệp, hướng nghiệp sớm, giúp sinh viên xác định được mục tiêu và giới hạn hợp lý giữa học và làm.

3.2.2. Giải pháp cụ thể

3.2.2.1. Đối với sinh viên Sư phạm

Sinh viên khối Sư phạm có đặc thù nghề nghiệp rõ ràng, cần trau dồi kỹ năng Sư phạm, nghiệp vụ giảng dạy và năng lực giao tiếp ứng xử. Vì vậy, các giải pháp cần tập trung vào việc gắn kết việc làm thêm với hoạt động đào tạo nghề giáo viên, cụ thể:

1) Khuyến khích làm thêm đúng chuyên ngành công việc như gia sư, trợ giảng, hỗ trợ giáo viên tại trường phổ thông, dạy kỹ năng mềm hoặc tham gia các lớp học cộng đồng. Những công việc này không chỉ giúp sinh viên có thu nhập mà còn rèn luyện phương pháp giảng dạy, kỹ năng đứng lớp và cách tổ chức hoạt động học tập.

2) Tạo cơ chế liên kết với các trường phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên. Khoa Sư phạm cần chủ động liên kết với các trường tiểu học, THCS, THPT trong tỉnh để giới thiệu sinh viên thực tập bán thời gian. Đây là hình thức “thực hành Sư phạm mở rộng” giúp sinh viên có thêm trải nghiệm nghề thực tế, tạo nền tảng cho học phần thực tập chính thức.

3) Xây dựng mô hình “Câu lạc bộ Gia sư Hoa Lư”. Nhà trường có thể lập một câu lạc bộ hoặc trung tâm gia sư do Phòng Công tác Sinh viên quản lý, kết nối giữa phụ huynh, học sinh và sinh viên Sư phạm. Việc này vừa giúp sinh viên tìm được công việc an toàn, vừa giúp nhà trường kiểm soát chất lượng giảng dạy và quyền lợi sinh viên.

4) Tổ chức tập huấn kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên làm thêm trong lĩnh vực giáo dục Trước khi tham gia giảng dạy, sinh viên cần được bồi dưỡng kỹ năng Sư phạm, đạo đức nghề, kỹ năng xử lý tình huống và quản lý lớp học. Nhà trường có thể tổ chức định kỳ các buổi tập huấn ngắn hạn để đảm bảo sinh viên được chuẩn bị đầy đủ trước khi đi dạy.

5) Ghi nhận và đánh giá kết quả làm thêm trong hồ sơ năng lực sinh viên Các hoạt động dạy kèm, trợ giảng có thể được công nhận là một phần của chương trình thực tập hoặc tích lũy điểm rèn luyện, giúp sinh viên có động lực tham gia việc làm thêm đúng chuyên ngành.

3.2.2.2. Đối với sinh viên ngoài Sư phạm

Nhóm sinh viên Ngoài Sư phạm học các ngành như Kinh tế, Quản trị, Du lịch, Công nghệ thông tin... có định hướng nghề nghiệp đa dạng hơn. Do đó, giải pháp cần hướng đến việc làm thêm gắn với kỹ năng nghề nghiệp và trải nghiệm thực tế thị trường lao động, cụ thể:

1) Mở rộng mạng lưới việc làm bán thời gian gắn với chuyên ngành học

- Với sinh viên ngành Kinh tế, Quản trị, có thể kết nối với các cửa hàng, doanh nghiệp nhỏ để làm kế toán, bán hàng, marketing hoặc hỗ trợ hành chính.

- Sinh viên Du lịch có thể tham gia làm hướng dẫn viên tập sự, lễ tân, hoặc phục vụ tại các cơ sở lưu trú.

- Sinh viên Công nghệ thông tin nên được khuyến khích tham gia các dự án freelance, lập trình website hoặc hỗ trợ kỹ thuật tại doanh nghiệp địa phương.

2) Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp địa phương và khu công nghiệp. Nhà trường nên ký kết biên bản hợp tác với các công ty, siêu thị, ngân hàng hoặc trung tâm thương mại tại Ninh Bình để tạo nguồn việc làm thêm ổn định. Các công việc như *telesale ngân hàng, nhập liệu, hỗ trợ chăm sóc khách hàng, nhân viên bán hàng part-time* rất phù hợp với lịch học của sinh viên.

3) Tổ chức chương trình “Sinh viên làm thêm trải nghiệm nghề nghiệp”. Đây là chương trình học kỳ thực tế, kết hợp giữa học tập và làm việc

có định hướng. Sinh viên được giao nhiệm vụ viết nhật ký nghề nghiệp, báo cáo kinh nghiệm làm việc, qua đó rèn luyện kỹ năng mềm và năng lực nghề nghiệp.

4) Đào tạo kỹ năng tìm việc và phát triển bản thân. Tổ chức các lớp học kỹ năng mềm cho sinh viên Ngoài Sư phạm, đặc biệt về *viết CV, kỹ năng phỏng vấn, quản lý tài chính cá nhân, giao tiếp nơi công sở*. Đồng thời, hướng dẫn sinh viên cách tìm việc an toàn, nhận diện các hình thức lừa đảo tuyển dụng qua mạng.

5) Khuyến khích làm thêm có định hướng nghề nghiệp lâu dài. Nhà trường cần tuyên truyền để sinh viên hiểu rằng việc làm thêm không chỉ là để kiếm tiền mà còn là cơ hội phát triển nghề nghiệp. Khuyến khích sinh viên lựa chọn công việc có tính học hỏi, giúp tích lũy kinh nghiệm cho nghề nghiệp tương lai thay vì công việc ngắn hạn, đơn giản

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Trong bối cảnh giáo dục hiện nay, việc sinh viên tham gia làm thêm đã trở thành xu hướng phổ biến, phản ánh tinh thần chủ động, năng động và nhu cầu tự khẳng định bản thân của người học. Qua quá trình nghiên cứu đề tài *“Thực trạng việc làm thêm của sinh viên Trường Đại học Hoa Lư”*, có thể rút ra một số kết luận quan trọng sau:

Thứ nhất, hoạt động làm thêm của sinh viên Trường Đại học Hoa Lư diễn ra khá phổ biến, với tỷ lệ sinh viên tham gia đạt trên 1/3 tổng số được khảo sát. Các công việc làm thêm chủ yếu thuộc nhóm lao động phổ thông, bán thời gian hoặc công việc dịch vụ như gia sư, bán hàng, phục vụ, telesale ngân hàng,... Điều này cho thấy sinh viên có ý thức tự lập và mong muốn nâng cao kỹ năng thực tế, song phần lớn vẫn mang tính tự phát, chưa có định hướng nghề nghiệp rõ ràng.

Thứ hai, hoạt động làm thêm mang lại nhiều lợi ích thiết thực đối với sinh viên, giúp họ cải thiện thu nhập, giảm gánh nặng tài chính cho gia đình, đồng thời rèn luyện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, năng lực thích ứng và tinh thần trách nhiệm. Đặc biệt, sinh viên khối Sư phạm có cơ hội trau dồi kỹ năng nghề nghiệp thông qua công việc gia sư, trợ giảng, trong khi sinh viên khối Ngoài Sư phạm được tiếp cận thực tế thị trường lao động, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp đa dạng.

Thứ ba, bên cạnh những ưu điểm, hoạt động làm thêm của sinh viên vẫn tồn tại những hạn chế như: thiếu định hướng nghề nghiệp, chưa cân bằng giữa học tập và công việc, thiếu kỹ năng quản lý thời gian, và còn gặp rủi ro khi tìm việc qua các kênh phi chính thức. Công tác hỗ trợ, giới thiệu việc làm của nhà trường tuy đã có bước khởi đầu nhưng vẫn chưa thật sự đồng bộ và hiệu quả.

Thứ tư, nguyên nhân của những tồn tại trên xuất phát từ cả yếu tố chủ quan và khách quan: sinh viên chưa có kỹ năng nghề nghiệp vững vàng và kỹ năng tìm việc an toàn; nhà trường chưa có cơ chế kết nối việc làm ổn định;

các doanh nghiệp địa phương chưa có chính sách hợp tác rõ ràng trong việc tuyển dụng sinh viên bán thời gian.

Từ kết quả nghiên cứu, đề tài đã đề xuất hệ thống giải pháp toàn diện nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động làm thêm của sinh viên Trường Đại học Hoa Lư, bao gồm: tăng cường tuyên truyền và định hướng nghề nghiệp; phát triển mạng lưới việc làm bán thời gian an toàn, gắn với chuyên ngành đào tạo; tổ chức hội chợ việc làm, chương trình hướng nghiệp; trang bị kỹ năng tìm việc và kỹ năng mềm cho sinh viên. Đặc biệt, các giải pháp riêng cho sinh viên khối Sư phạm và Ngoài Sư phạm được xây dựng nhằm đảm bảo tính phù hợp, giúp sinh viên vừa học tốt, vừa rèn luyện nghề nghiệp thực tế.

Nhìn chung, việc làm thêm là một hoạt động có ý nghĩa tích cực và cần được tổ chức, quản lý hiệu quả trong môi trường giáo dục đại học. Nếu được định hướng đúng đắn, hoạt động này sẽ không chỉ góp phần phát triển kỹ năng nghề nghiệp, mà còn tạo nền tảng vững chắc để sinh viên Trường Đại học Hoa Lư trở thành những công dân tự tin, năng động và thích ứng tốt với yêu cầu của xã hội hiện đại.

2. Kiến nghị

2.1. Kiến nghị đối với Nhà trường

- Xây dựng chương trình “Sinh viên học và làm thêm hiệu quả” nhằm định hướng, hỗ trợ và giám sát sinh viên trong quá trình làm việc.
- Mở rộng hợp tác với các doanh nghiệp, trung tâm giới thiệu việc làm uy tín trong và ngoài tỉnh để tạo nguồn việc ổn định, phù hợp ngành học.
- Đưa nội dung giáo dục kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp, đặc biệt là kỹ năng quản lý thời gian và tài chính cá nhân vào chương trình đào tạo.
- Tăng cường tổ chức hội thảo, tọa đàm nghề nghiệp, ngày hội việc làm bán thời gian giúp sinh viên tiếp cận thông tin an toàn, chính xác.
- Có chính sách khen thưởng, ghi nhận đối với sinh viên có hoạt động làm thêm gắn liền với chuyên ngành hoặc có sáng kiến trong lao động học tập.
- Cảnh báo đến sinh viên những thông tin sai lệch về những công việc mang tính chất online thường được gọi là “việc nhẹ lương cao”.

2.2. Kiến nghị đối với sinh viên

- Lựa chọn công việc làm thêm phù hợp với năng lực, ngành học và điều kiện cá nhân, tránh ảnh hưởng đến việc học tập.
- Biết lập kế hoạch quản lý thời gian, phân bổ hợp lý giữa học – làm – nghỉ ngơi.
- Nâng cao ý thức kỷ luật, trung thực và tinh thần trách nhiệm trong công việc.
- Chủ động tham gia các khóa học kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp do nhà trường hoặc tổ chức bên ngoài cung cấp.
- Tích cực chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ bạn bè và góp ý với nhà trường về nhu cầu việc làm thực tế của sinh viên.
- Cần cảnh giác đối với những thông tin giới thiệu việc làm, những công việc mang tính chất online thường được gọi “việc nhẹ lương cao”.
- Nâng cao nhận thức về quy định pháp luật về làm thêm đối với học sinh, sinh viên.

2.3. Kiến nghị đối với Doanh nghiệp và Cơ quan liên quan

- Doanh nghiệp cần tạo điều kiện thuận lợi về thời gian và môi trường làm việc cho sinh viên, đảm bảo an toàn lao động và mức lương phù hợp.
- Cơ quan quản lý lao động địa phương cần phối hợp với các trường đại học trong việc giám sát, hướng dẫn, đảm bảo quyền lợi người lao động là sinh viên.
- Khuyến khích doanh nghiệp xây dựng các chương trình “thực tập có lương” hoặc “học kỳ trải nghiệm nghề nghiệp” dành cho sinh viên để tạo cơ hội thực hành thực tế.
- Tăng cường truyền thông, tuyên truyền về pháp luật lao động, đặc biệt là quy định mới liên quan đến người lao động là sinh viên đi làm thêm.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng việt

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2016). Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT.
2. Quốc Hội. (2019). Bộ luật Lao động.
3. Lưu Chí Danh cùng cộng sự (2023). “*Các nhân tố của việc đi làm thêm ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên*”. Tạp chí Công thương.
4. Ngô Văn Bình (2021), “*Thực trạng làm thêm và định hướng nghề nghiệp của sinh viên tại các trường đại học ở Hà Nội*”, đề tài cấp trường, trường Đại học Thủ đô Hà Nội
5. Phạm Minh Đức (2019), “*Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định làm thêm của sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội*”, đề tài cấp khoa, trường Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Lê Minh Hằng (2017), *Việc làm thêm của sinh viên – cơ hội và thách thức*”, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội (Tập 33, số 2, tr. 55–63).
7. Nguyễn Thị Hồng (2018), “*Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả làm thêm của sinh viên Trường Đại học Kinh tế Quốc dân*”, đề tài cấp trường, trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
8. Đỗ Thị Thanh Hương (2020), “*Làm thêm và thành tích học tập: Góc nhìn từ sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*” đăng trên Tạp chí Tâm lý học (số 4, tr. 41–49).
9. Trần Thị Lan và cộng sự (2020), “*Ảnh hưởng của việc làm thêm đến kết quả học tập của sinh viên khối ngành Kinh tế*”, đề tài cấp trường, trường Đại học Thương mại.
10. Phan Thị Mai (2023), “*Phân tích tác động của việc làm thêm đến kỹ năng mềm của sinh viên Trường Đại học Huế*”, đề tài cấp khoa, trường Đại học Huế.
11. Nguyễn Thị Bích Ngọc (2023), “*Xu hướng làm thêm trong sinh viên Việt Nam giai đoạn sau đại dịch Covid-19*”, Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn, số 2(81), tr. 91–100.
12. Phạm Thị Hồng Quyên cùng cộng sự (2020) “*Ảnh hưởng của việc lựa chọn công việc làm thêm đối với việc học tập của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội*”, Tập san Sinh viên nghiên cứu khoa học, no. 10, pp. 294–296.
13. Nguyễn Ngọc Thuận và các cộng sự (2024). “*Thực trạng hoạt động làm thêm của sinh viên y khoa trường Đại học Y - Dược Thái Nguyên*”, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên, Trường Đại học Y – Dược Thái Nguyên.

14. Nguyễn Văn Tuấn (2019), “*Các nhân tố ảnh hưởng đến xu hướng làm thêm của sinh viên tại Việt Nam*”, Tạp chí Khoa học Giáo dục (số 167, tr. 22–30).
15. Nguyễn Lê Uyên (2021) Phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định làm thêm của sinh viên trường Đại học quốc gia Hà Nội, tài sinh viên NCKH.
16. Trần Quốc Việt và Phạm Thu Trang (2021), “*Việc làm thêm và sự phát triển kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên Việt Nam*”, Tạp chí Khoa học Lao động – Xã hội (số 6, tr. 75–84),

Tiếng Anh

17. Development, NASPA Journal, số 37(2), trang 454–470.
18. Furr, S., & Elling, T. W, 2000. The influence of work on college student
19. International Labour Organization. (1994). C175 - Part-Time Work Convention, 1994 (No. 175)
20. Robinson, L. (1999). The Effects of Part-Time Work on School Students. LSAY Research Report.
21. Sarah Jewell (2014). The impact of working while studying on educational and labour Market outcomes. Business and economics journal.
22. Students. Journal of Medical Science and Clinical Research 1968- 1972.

Website

23. <https://careers.langmaster.edu.vn/sinh-vien-co-nen-di-lam-them-khong>
24. <https://edufitjobs.com/part-time-va-full-time-viec-lam-ban-thoi-gian-va-toan-thoi-gian/>
25. <https://vieclam.uet.vnu.edu.vn/viec-lam-them-cho-sinh-vien-cong-nghe-news8954>
26. https://www.exeter.ac.uk/students/international/visaconditions/workingintheuk/?utm_source=chatgpt.com
27. https://www.theguardian.com/education/2025/aug/20/uk-students-are-you-working-a-full-time-job-while-studying?utm_source=chatgpt.com
28. <https://www.ice.gov/sevis/employment>
29. <https://www.dol.gov/agencies/whd/mw-consolidated>
30. <https://www.hikorea.go.kr/Main.pt>
31. <https://www.studyinkorea.go.kr/en/sub/life/work.do>
32. <https://www.immigration.go.kr/immigration/index.do>
33. <https://giaoducthoidai.vn/sinh-vien-lam-them-de-hoc-cach-song-tu-lap-4818199.html>
34. <https://vn.joboko.com/blog/sinh-vien-nen-chon-cong-viec-lam-them-nao-de-lay-them-kinh-nghiem-nwi142>
35. <https://jobsgo.vn/blog/kinh-nghiem-lam-part-time>
36. <https://dantri.com.vn/lao-dong-viec-lam/sinh-vien-lam-them-voi-muc-luong-den-180000-donggio-20231016100451864.htm>

PHỤ LỤC
PHIẾU KHẢO SÁT

Thực trạng làm thêm của sinh viên Trường Đại học Hoa Lư

(Phiếu này phục vụ cho mục đích nghiên cứu khoa học, thông tin thu thập chỉ dùng cho phân tích tổng hợp và được bảo mật)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Giới tính:

☐ Nam ☐ Nữ ☐ Khác

2. Năm học hiện tại:

☐ Năm 1 ☐ Năm 2 ☐ Năm 3 ☐ Năm 4

3. Khoa/Bộ môn:

☐ Sư phạm ☐ Ngoài Sư phạm (ghi rõ:)

4. Bạn đang ở: Nội trú ☐ Nhà trọ ☐ Cùng Gia đình ☐

5. Học lực của bạn: SX ☐ Giỏi ☐ Khá ☐ TB ☐ Khác ☐

6. Hoàn cảnh kinh tế gia đình của Anh (Chị):

☐ Khó khăn ☐ Trung bình ☐ Khá ☐ Tốt

7. Tổng chi tiêu bình quân/ tháng của Bạn (Kể cả học phí):

Dưới 2.000.000 VNĐ

☐ 2.000.000 – 3.000.000 VNĐ

☐ 3.000.001 – 4.000.000 VNĐ

☐ 4.000.001 – 5.000.000 VNĐ

☐ Trên 5.000.000 VNĐ

8. Số tiền hỗ trợ của gia đình bình quân/tháng của Bạn

☐ Dưới 1.000.000 VNĐ

☐ 1.000.000 – 2.000.000 VNĐ

☐ 2.000.001 – 3.000.000 VNĐ

☐ 3.000.001 – 4.000.000 VNĐ

☐ Trên 4.000.000 VNĐ

B. THỰC TRẠNG LÀM THÊM

9. Bạn hiện có đi làm thêm không?

☐ Có ☐ Không (nếu chọn Không, chuyển sang Câu 11)

10. Bạn bắt đầu làm thêm từ khi nào?

Năm 1 ☐ Năm 2 ☐ Năm 3 ☐ Năm 4 ☐

11. Bạn tìm việc bằng cách nào?

1) Qua trung tâm giới thiệu việc làm ☐

2) Qua người thân giới thiệu ☐

3) Qua bạn bè ☐

4) Qua Internet (mạng) ☐

5) Cách khác.....

12. Nếu có, hình thức công việc: (có thể chọn nhiều)

☐ Gia sư ☐ Bán hàng/Phục vụ ☐ Văn phòng bán thời gian

☐ Công việc online ☐ Khác (ghi rõ):

13. Thời gian làm thêm trung bình/tuần:

☐ Dưới 10 giờ ☐ 10–20 giờ ☐ Trên 20 giờ

14. Thu nhập trung bình/tháng:

☐ Dưới 1.000.000 VNĐ

☐ 1.000.000 – 2.000.000 VNĐ

☐ 2.000.001 – 3.000.000 VNĐ

☐ 3.000.001 – 4.000.000 VNĐ

☐ Trên 4.000.000 VNĐ

15. Lý do đi làm thêm: (chọn tối đa 2)

☐ Trang trải chi phí học tập/sinh hoạt

☐ Tích lũy kinh nghiệm

☐ Phát triển kỹ năng

☐ Khác:

16. Công việc làm thêm có liên quan đến ngành học của bạn không?

☐ Có ☐ Không

17. Mức độ hài lòng của bạn đối với công việc làm thêm hiện tại

(Vui lòng chọn 1 mức độ phù hợp nhất: 1 = Rất không hài lòng, 5 = Rất hài lòng)

- ☐ 1 – Rất không hài lòng
- ☐ 2 – Không hài lòng
- ☐ 3 – Bình thường
- ☐ 4 – Hài lòng
- ☐ 5 – Rất hài lòng

C. ẢNH HƯỞNG VÀ CÂN BẰNG

18. Bạn đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc làm thêm đến học tập:

- ☐ Rất tích cực ☐ Tích cực ☐ Bình thường ☐ Tiêu cực ☐ Rất tiêu cực

19. Bạn gặp khó khăn gì khi vừa học vừa làm?

- ☐ Thiếu thời gian học
- ☐ Mệt mỏi, sức khỏe giảm
- ☐ Khó sắp xếp lịch
- ☐ Khác:

20. Bạn áp dụng những biện pháp nào để cân bằng giữa việc học và làm thêm?

(Có thể chọn nhiều đáp án)

- ☐ Lập kế hoạch/ thời khóa biểu cụ thể cho học và làm
- ☐ Sắp xếp ưu tiên công việc theo mức độ quan trọng
- ☐ Giới hạn số giờ làm thêm mỗi tuần
- ☐ Tận dụng thời gian rảnh để tự học
- ☐ Trao đổi với giảng viên hoặc nhà tuyển dụng để điều chỉnh lịch
- ☐ Rèn luyện sức khỏe, ngủ đủ giấc để duy trì năng lượng
- ☐ Khác:

21. Bạn mong muốn nhà trường/hội sinh viên hỗ trợ gì?

- ☐ Cung cấp thông tin việc làm bán thời gian
- ☐ Tư vấn quản lý thời gian
- ☐ Tổ chức các buổi chia sẻ kinh nghiệm
- ☐ Khác:

D. Ý KIẾN ĐỀ XUẤT

22. Đề xuất/kiến nghị của bạn về việc hỗ trợ sinh viên đi làm thêm:

.....

Xin chân thành cảm ơn bạn đã dành thời gian trả lời!

